

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

Năm báo cáo: 2025

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch tiếng Việt
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH – VINACOMIN
- Tên giao dịch nước ngoài:
VINACOMIN - VANG DANH COAL JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700101877
- Vốn điều lệ: 449.628.640.000 VND (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng);
- Địa chỉ: Số 969 Đường Bạch Đằng, phường Ưông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: 0203.3853.104 fax: 0203.3853120
- Website: <http://vangdanhcoal.com.vn>
- Mã cổ phiếu: TVD

* Quá trình hình thành và phát triển

- + Tiền thân CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin là Mỏ than Vàng Danh được thành lập theo Quyết định số: 262/BCNNg-KB2 ngày 06/06/1964 của Bộ Công nghiệp nặng.
- + Ngày 17/09/1996 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) có Quyết định số 2604/QĐ/TCCB thành lập Mỏ than Vàng Danh đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam – nay là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
- + Ngày 01/10/2001, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam ban hành Quyết định số 405/QĐ/HDQT của Chủ tịch HDQT về việc đổi tên Mỏ than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh.
- + Ngày 08/11/2006, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ký Quyết định số 2458 QĐ/HDQT về việc đổi tên từ Công ty Than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh - TKV.
- + Công ty Than Vàng Danh – TKV nằm trong danh sách các Công ty than được cổ phần hóa theo Quyết định số 1119/QĐ-BCN ngày 03/04/2007 của Bộ Công nghiệp. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 01/07/2007.
- + Tổ chức sản xuất của Công ty Than Vàng Danh được khép kín từ khâu khai thác đến chế biến, tiêu thụ than từ Vàng Danh ra Cảng Điện Công. Kể từ ngày 16/09/2007, bộ phận vận tải chính của Công ty là đường sắt 1000 ly và kho, cảng được điều động về Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam theo quyết định của TKV, Công ty chỉ còn chức năng chính là sản xuất than, Than sản xuất ra được bán duy nhất cho TKV thông qua Công ty Kho vận đá bạc –TKV theo giá bán nội bộ do TKV quy định. Việc bán than đến hộ tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu do TKV thực hiện.
- + Theo Quyết định 714/QĐ-HDQT ngày 30 tháng 03 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các

doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty than Vàng Danh, Công ty Than Vàng Danh đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và tổ chức đấu giá bán cổ phần ra công chúng vào ngày 05/03/2008 tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Công ty Than Vàng Danh – TKV chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/07/2008 với tên gọi mới là “Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV”.

+ Ngày 10/01/2011, Cổ phiếu của Công ty (TVD) chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Vốn điều lệ là 152.807,9 triệu đồng.

+ Ngày 24/3/2011, theo quyết định của Đại hội cổ đông thường niên năm 2011, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

+ Ngày 01/02/2012 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 152,8 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng;

+ Ngày 22/6/2012, phần Cổ phiếu tăng thêm của (TVD) đã được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Ngày 04/08/2014 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 149,997 tỷ đồng lên 420,35 tỷ đồng;

- Ngày 30/12/2014, phần Cổ phiếu tăng thêm của (TVD) đã được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

- Ngày 21/07/2016 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 420,35 tỷ đồng lên 449,628 tỷ đồng;

- Ngày 29/08/2016, phần Cổ phiếu tăng thêm của (TVD) đã được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

*** Các thành tích trong quá trình hoạt động**

Năm 2018

- Cờ thi đua của Chính phủ cho tập thể hoàn thành tích xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2018 (Quyết định số 631/QĐ-TTg ngày 27/5/2019).

- Bằng khen của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam cho tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác (Quyết định số 917/QĐ-TKV ngày 23/5/2019).

Năm 2019

- Cờ thi đua của Bộ Công Thương cho tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác (Quyết định số 732/QĐ-BCT ngày 8/03/2019)

- Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho tập thể hoàn thành tích xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2019 (Quyết định số 5193/QĐ-UBND ngày 11/12/2019).

Năm 2020

- Cờ thi đua của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước cho tập thể đã có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua năm 2020 (Quyết định số 284/QĐ-UBQLV ngày 05/7/2021).

- Tập thể lao động xuất sắc năm 2020 (Quyết định số 377/QĐ-TKV ngày 31/3/2021).

Năm 2021

- Cờ thi đua của Chính phủ cho tập thể hoàn thành tích xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2021 (Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 24/5/2023).

- Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch PHKD năm 2021 (Quyết định số 14/QĐ-TKV ngày 10/01/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam)

Năm 2022

- Cờ thi đua của Chính phủ cho tập thể hoàn thành tích xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2022 (Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 20/7/2023).

- Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch PHKD năm 2022 (Quyết định số 2009/QĐ-TKV ngày 30/12/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

- Tập thể lao động xuất sắc năm 2022 (Quyết định số 2068/QĐ-TKV ngày 30/12/2022 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Năm 2023

- Cờ thi đua của Chính phủ cho tập thể dẫn đầu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2021 của UBQLV nhà nước tại doanh nghiệp (Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 24/5/2023).

- Cờ thi đua của Chính phủ cho tập thể dẫn đầu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2022 của UBQLV nhà nước tại doanh nghiệp (Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 20/7/2023).

Năm 2024

- Bằng khen của UBQLV nhà nước tại doanh nghiệp nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty: Đã có thành tích trong công tác, đóng góp vào sự phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Năm 2025

- Giấy khen của Ủy ban nhân dân phường Ưông Bí vì Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2020-2025;

- Giấy khen của Ủy ban nhân dân Phường Vàng Danh vì Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua trên địa bàn phường Vàng Danh năm 2025;

- Giấy khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Ưông Bí vì Đã có thành tích xuất sắc thi đua đợt kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ về thăm, nói chuyện với cán bộ, công nhân, nhân dân các dân tộc Thị xã Ưông Bí (02/2/1965-02/2/2025);

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

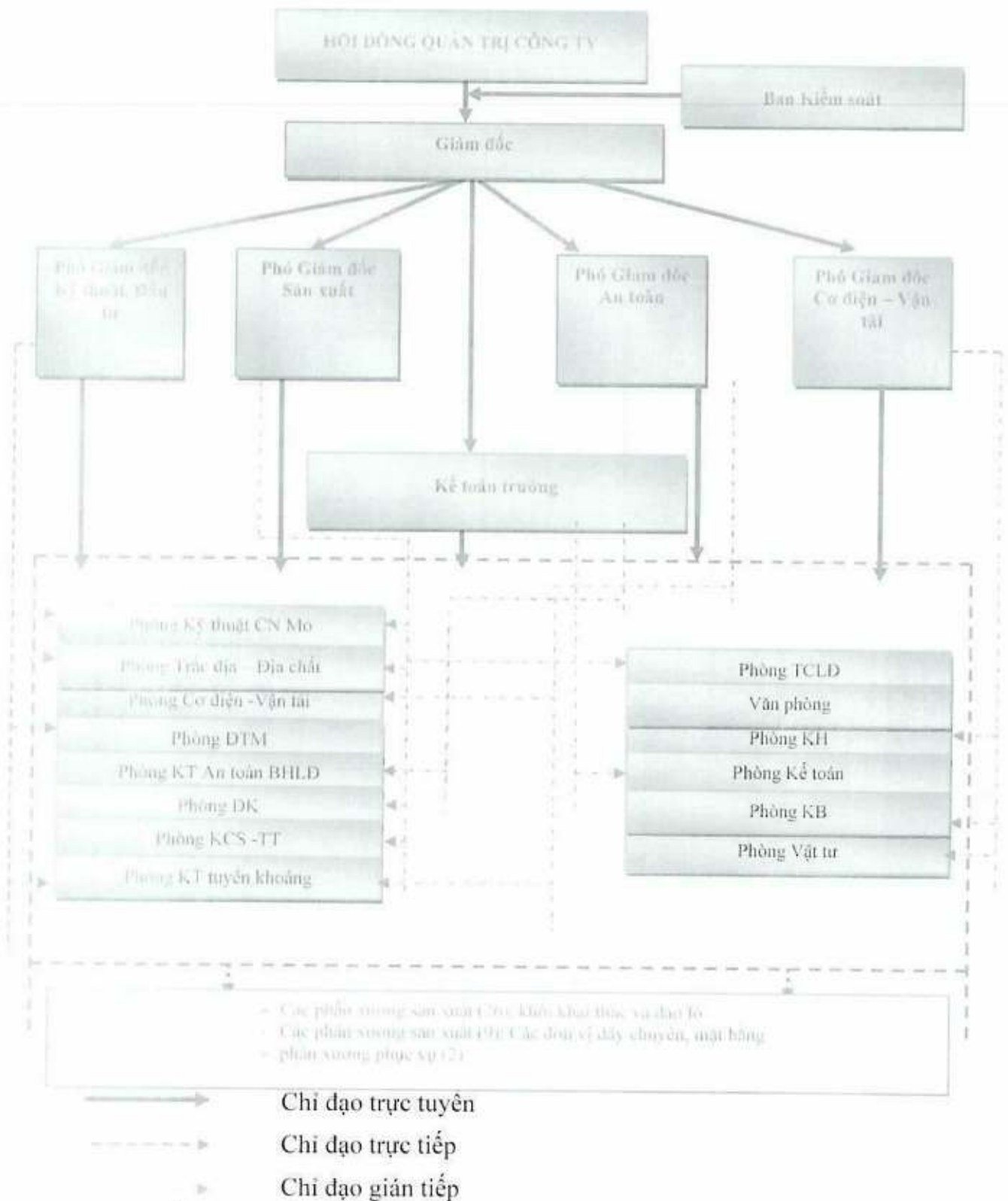
- Khai thác và thu gom than cứng;

- Khai thác và thu gom than bùn;

b) Địa bàn kinh doanh: Phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a) Mô hình quản trị



- Cơ cấu bộ máy quản lý

+ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ đại hội (theo Điều lệ Công ty quy định).

b) Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên; nhiệm kỳ là 05 (năm).

c) Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông thông qua (quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong điều lệ Công ty).

d) Các đơn vị thuộc Công ty:

Công ty có: 14 phòng ban đơn vị chức năng, 26 phân xưởng khai thác và đảo lò, 9 phân xưởng dây chuyền và mặt bằng, 02 đơn vị phục vụ.

Tổng số CBCNV của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2025 là 5.636 người

4. Định hướng phát triển Công ty

4.1. Quan điểm phát triển

- Phát triển Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin (TVD) là một trong những đơn vị sản xuất than hầm lò lớn nhất Tập đoàn TKV, góp phần vào sự phát triển chung của TKV để duy trì vị trí then chốt trong 03 trụ cột về năng lượng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

- Phát triển đồng bộ, hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu ngành nghề sản xuất chính là khai thác, thu gom than cứng và một số ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh.

- Đảm bảo hài hoà giữa thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phát triển Công ty bền vững theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; hài hoà giữa lợi ích của Công ty và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hài hoà giữa khai thác sử dụng tài nguyên và trách nhiệm hoàn nguyên bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4.2. Mục tiêu phát triển

4.2.1. Mục tiêu tổng quát

a) Phát triển Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin (TVD) thành Công ty khai thác than hầm lò lớn nhất Tập đoàn với mục tiêu tiếp tục đổi mới toàn diện, phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”, đoàn kết thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị, góp phần quan trọng trong việc phát triển chung của Tập đoàn.

b) Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý, quản trị hiện đại và chuyên môn hóa cao, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa (CGH), tự động hóa (TDH) và chuyển đổi số (CDS); phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”; từng bước thực hiện đổi mới, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng ngành, nghề kinh doanh chính và các ngành, nghề liên quan theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

c) Nghiên cứu triển khai tái sử dụng đất đá thải, xử lý nước thải hầm lò để làm vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng và nước sử dụng sản xuất, phục vụ người lao động nhằm tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường.

4.2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 ÷ 2030

- Giải quyết các thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất, Giấy phép khai thác, Giấy phép môi trường, lập, trình duyệt thiết kế PCCC ... và khởi công xây dựng Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 m than Vàng Danh. Hoàn thiện các thủ tục về Giấy phép môi trường, thuê đất của dự án đầu tư, cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên via 4-8A mỏ Vàng Danh và các dự án cải thiện điều kiện làm việc, đi lại, ăn nghỉ cho người lao động;

- Tăng cường mạnh mẽ việc triển khai, thực hiện chuyển đổi số của Công ty theo Nghị quyết số 139-NQ/ĐU ngày 05/5/2023 về chuyển đổi số đến năm 2025 định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1615/KH-TVD ngày 18/7/2023 về việc chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025, định hướng đến 2030. Triển khai thực hiện đề án chuyển đổi số Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin giai đoạn năm 2025 đến năm 2027, định hướng đến năm 2030; Triển khai số hóa toàn bộ dữ liệu, các quy trình nghiệp vụ trong điều hành sản xuất kinh doanh, hoàn thành việc thành lập trung tâm dữ liệu số tập trung;

- Tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý để lựa chọn đơn vị lập thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán và thi công Đề án thăm dò khu Cánh Gà - mỏ Vàng Danh; căn cứ vào điều kiện địa chất và các quy định hiện hành của TKV để xây dựng, tổ chức thực hiện khối lượng thăm dò khảo sát từng năm đáp ứng các yêu cầu sản xuất.

b) Giai đoạn 2031 ÷ 2045:

- Tiếp tục triển khai tiếp các Dự án, Giấy phép khai thác đi đôi với đẩy mạnh công tác áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa khai thác, đào lò phần đầu sản lượng than khai thác tăng 20 ÷ 25% so với thực hiện năm 2024 (3.319.628 tấn TNK).

- Triển khai các Đề án thăm dò: (i) Khoan thăm dò khu Trung tâm - mỏ than Vàng Danh; (ii) Triển khai các thủ tục để đưa Dự án dưới -50 Giếng Cánh gà vào hoạt động để duy trì khai thác của các công trình và ổn định sản xuất; (iii) Triển khai thực hiện đề án thăm dò dưới mức -350; (iv) Thăm dò khu Bắc mỏ Vàng Danh và căn cứ điều kiện thực tế để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm công tác phát triển mỏ giai đoạn 2031 ÷ 2045.

- Tăng cường áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa và chuyển đổi số vào các công đoạn sản xuất, phục vụ người lao động, công tác quản lý điều hành tăng năng suất lao động, sử dụng ít nhân lực nhất để hoàn thành kế hoạch phối hợp kinh doanh hàng năm giữa Công ty với Tập đoàn TKV.

4.3. Định hướng phát triển

4.3.1 Định hướng chiến lược phát triển các lĩnh vực

a) Định hướng phát triển sản phẩm

- Tiếp tục đổi mới công nghệ để sàng tuyển, chế biến các sản phẩm có giá trị gia tăng cao theo hướng chế biến sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ thu hồi than sạch.

- Tập trung phát triển các sản phẩm Công ty có thế mạnh đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng đi đôi với xuất khẩu các sản phẩm than chất lượng cao; sản xuất thân thiện với môi trường trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ chế biến than và công nghệ tái chế để tái sử dụng chất thải.

b) Định hướng đầu tư

- Đầu tư duy trì sản xuất ổn định các dự án đã triển khai và tập trung các nguồn lực để đầu tư mở rộng, đầu tư mới các dự án thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính theo Quy hoạch tổng thể năng lượng Quốc gia (893). Theo đó, huy động các nguồn lực để tự đầu tư, hợp tác đầu tư, nghiên cứu phát triển các lĩnh vực: Đẩy nhanh

tiến độ xin cấp phép khai thác khoáng sản dự án đầu tư, cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên via 4-8A mỏ Vàng Danh; công tác chuẩn bị đầu tư về đánh giá tác động môi trường, thông qua các cấp về dự án, thiết kế cơ sở, phòng cháy chữa cháy để phê duyệt Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh; các dự án nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động;

- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư công nghệ sàng tuyển, chế biến than tạo sản phẩm sạch hơn thân thiện với môi trường, nâng cao chuỗi giá trị; đồng bộ và tự động hoá hệ thống vận tải trong và ngoài lò, các hệ thống cung cấp điện, thông tin liên lạc;

- Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng CGH, TDH các dây chuyền công nghệ, các công đoạn sản xuất, kịp thời xây dựng các quy trình quản lý phục vụ chuyên đổi số trên tất cả các lĩnh vực.

c) Định hướng công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Thực thi chính sách bảo vệ môi trường (BVMT) gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính; tăng cường tận thu tài nguyên, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường, tăng cường công tác phòng ngừa các sự cố môi trường; đẩy mạnh đầu tư các công trình bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan, trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tái chế, tái sử dụng tối đa các loại chất thải phát sinh trong sản xuất để giảm thiểu phát thải; các khu vực sau khi kết thúc khai thác mỏ được cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định của pháp luật để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như kinh tế rừng, năng lượng tái tạo, du lịch - dịch vụ,...

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp sản xuất sạch hơn, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong sản xuất; từng bước đưa công nghiệp than trở thành ngành kinh tế xanh - kinh tế tuần hoàn, phát triển hài hoà, thân thiện với môi trường, cộng đồng; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh.

- Phòng chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy; bảo vệ nước dưới đất; phòng, chống sụt, lún đất và phòng, chống sạt, lở bờ suối ... đảm bảo quy định của Luật Tài nguyên nước.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu của TKV giai đoạn đến năm 2030, định hướng tới 2050.

d) Định hướng công tác an toàn lao động

- Thực hiện tiêu chí: An toàn - Hiện đại - Thân thiện với môi trường;

- Tập trung cải thiện điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn, an toàn hơn và xây dựng môi trường lao động Sáng - Xanh - Sạch; không để xảy ra TNLD, sự cố nghiêm trọng do chủ quan, giảm thiểu số vụ tai nạn lao động trong sản xuất;

- Xây dựng hệ thống quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động phù hợp với quy mô, điều kiện hoạt động sản xuất của công ty.

- Tập trung đẩy mạnh công tác giáo dục nhận thức, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động tự giác tuân thủ, chấp hành quy trình, quy định, biện pháp kỹ thuật an toàn kết hợp với ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là các thành tựu của CMCN 4.0 để nâng cao chất lượng dự báo, phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục hiệu quả các rủi ro về an toàn lao động.

- Đẩy mạnh các hình thức, biện pháp, hoạt động trong công tác tuyên truyền, huấn luyện, kiểm tra, khen thưởng, xử lý kỷ luật trong công tác quản lý về an toàn lao động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

d) Định hướng phát triển nguồn vốn và nâng cao tiềm lực tài chính

- Đẩy mạnh triển khai các giải pháp để huy động nguồn vốn ổn định, lâu dài, chi phí sử dụng vốn hợp lý đảm bảo đủ nguồn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển các dự án mới.

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty trên cơ sở không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện các giải pháp để duy trì hệ số tài chính trong giới hạn an toàn theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tự chủ về tài chính.

- Chủ động trong việc thực hiện chuyển đổi số vào lĩnh vực Thống kê - Kế toán - Tài chính. Quản trị nội bộ để nâng cao khả năng nhận diện, dự báo, đánh giá các hệ số tài chính của Công ty giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

e) Định hướng phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực có năng lực, tay nghề phù hợp với định hướng, quy mô phát triển của Công ty; tăng số lượng, chất lượng thợ lò giảm lao động phụ trợ phục vụ, lao động quản lý đảm bảo tỷ lệ phù hợp hạn chế “Thừa thầy, thiếu thợ”;

- Duy trì ổn định nguồn lao động phục vụ sản xuất các lĩnh vực hiện nay của Công ty; đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực đủ cả về số lượng và chất lượng phù hợp với tăng sản lượng theo định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới, đặc biệt là nhân lực thợ lò và lĩnh vực CGH, TĐH, CDS ...;

- Không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo; thường xuyên hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, hệ thống thang bảng lương, định mức lao động đi đôi với tập trung nguồn lực phù hợp để đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nghề đặc thù còn thiếu.

f) Định hướng phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo gắn với giá trị văn hóa truyền thống của Công ty trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Duy trì và phát triển truyền thống “Văn hóa Thợ mỏ Vàng Danh”, đồng hành có trách nhiệm của người lao động, doanh nghiệp với sự phát triển cộng đồng xã hội,

- Khởi tạo văn hóa công nhân mỏ số phù hợp với nền kinh tế số, văn hóa số đậm đà bản sắc dân tộc, bản sắc Công ty đồng bộ với văn hóa TKV.

4.3.2. Định hướng phát triển sản xuất - kinh doanh

- Công tác thăm dò phải luôn đi trước một bước; thăm dò đánh giá trữ lượng than hiện có đảm bảo độ tin cậy phục vụ thiết kế khai thác kết hợp đẩy mạnh thăm dò các khu mới nhằm chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho sự phát triển ổn định, lâu dài lĩnh vực sản xuất than của Công ty nói riêng và ngành than nói chung.

- Tập trung phát triển, duy trì các lò chợ công suất cao và tiếp tục nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác than: Đẩy nhanh việc hoàn thiện các thủ tục đầu tư sớm đưa máy khâu vào lò chợ ZRY; nghiên cứu đưa hệ thống giàn chống thủy lực vào áp dụng khâu lò Dọc vỉa phân tầng; nghiên cứu đưa hệ thống nâng xả vi chống kết hợp che chắn gương; dây chuyền combai đào lò đá vào đào các đường lò thuộc Dự án xuống sâu dưới mức -175; phối hợp với đơn vị Tư vấn nghiên cứu, đánh giá khả năng áp dụng cơ giới hóa đồng bộ hạng nhẹ vào áp dụng đối với các khu vực có điều kiện địa chất phù hợp. Khai thác lộ thiên theo hướng nâng cao hệ số bóc giới hạn, phù hợp với điều kiện

kinh tế, kỹ thuật và quy hoạch liên quan; thực hiện công tác đổ thải đất đá theo hướng sử dụng tối đa bãi thải trong.

- Khai thác an toàn, tiết kiệm, tận thu hiệu quả nguồn tài nguyên than đã được giao quản lý bao gồm cả trữ lượng than tại các khu vực trụ bảo vệ các công trình và phần tài nguyên than tồn thất còn lại sau khi đã kết thúc khai thác hầm lò, trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phát triển sản lượng khai thác theo hướng bền vững, hiệu quả.

- Duy trì, cải tạo nhà máy sàng tuyển, chế biến than kết hợp với pha trộn than theo hướng tối đa chủng loại than cho sản xuất điện; đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước phù hợp theo thị trường.

- Tổ chức hệ thống vận tải phù hợp với năng lực sản xuất than từng khu vực, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hiệu quả kinh tế; tăng cường sử dụng băng tải để vận tải than, hạn chế tối đa hình thức vận tải bằng máy cào, ô tô để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Sử dụng đất đá thải mô phục vụ san lấp mặt bằng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, cải tạo phục hồi môi trường khai thác.

4.3.3 Định hướng phát triển mô hình tổ chức

- Tiếp tục hoạt động theo mô hình hoạt động Công ty cổ phần theo Điều lệ công ty. Thường xuyên rà soát, sắp xếp tổ chức đầu mối phòng ban, phân xưởng theo quy mô sản lượng cho sát Mô hình mẫu của TKV; nghiên cứu áp dụng phân xưởng hỗn hợp vừa khai thác vừa đào lò tạo điều kiện luân chuyển công việc trong nội bộ theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, tái cơ cấu đầu mối công trường phân xưởng cho phù hợp với quy mô sản lượng bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, chuyên môn hóa cao. Tổ chức sản xuất gắn với mục tiêu phát triển con người, xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, tác phong công nghiệp tốt, có tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động; đảm bảo đời sống và quyền lợi, cơ hội phát triển cho người lao động.

- Tổ chức, quản lý lao động hợp lý hơn tạo điều kiện tăng mức NSLD. Các yếu tố về tổ chức, quản lý lao động được thể hiện qua việc phân công lao động, hiệp tác lao động, tổ chức phục vụ nơi làm việc, chế độ làm việc, tạo động lực trong lao động (tiền lương, tiền thưởng...), định mức lao động và cơ cấu lao động.

5. Các giải pháp thực hiện

5.1. Giải pháp thực hiện các đột phá chiến lược

a) Phát triển kinh tế xanh (KTX) - kinh tế tuần hoàn (KTTH)

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn đến đội ngũ cán bộ, người lao động. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển KTX, KTTH phù hợp với mô hình kinh doanh và tổ chức quản lý của Công ty.

- Căn cứ các chính sách phát triển về KTX, KTTH của TKV xây dựng, triển khai các cơ chế chính sách, kế hoạch thực hiện các chương trình, dự án KTX, KTTH; lồng ghép chương trình phát triển KTX, KTTH của Công ty với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trồng cây, cải tạo, phục hồi môi trường tại các khu vực bãi thải và khu vực mỏ đã kết thúc khai thác.

b) Đẩy mạnh ứng dụng Chuyển đổi số

- Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo và người lao động trong toàn Công ty về vai trò và tầm quan trọng của CDS; tăng cường tuyên truyền, tổ chức hội thảo, hội nghị phổ biến về CDS thông qua các kênh thông tin, bản tin, sự kiện...

- Xây dựng và ban hành chiến lược, kế hoạch CDS tổng thể; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia vào quá trình CDS.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về CNTT, CDS cho đội ngũ cán bộ, người lao động, nhất là đội ngũ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo sự thống nhất trong triển khai thực hiện CDS.

- Xây dựng các quy trình số và hoàn thiện hạ tầng số; triển khai các ứng dụng CNTT nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn an ninh thông tin. Hoàn thành mô hình kết nối trao đổi thông tin số với Tập đoàn, các doanh nghiệp, đơn vị khác trong và ngoài Tập đoàn.

- Tăng cường, thúc đẩy đầu tư, ứng dụng tự động hóa; áp dụng mô hình quản lý và sản xuất thông minh dựa trên nền tảng công nghệ của cuộc CMCN 4.0.

c) Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh phối hợp với các Viện để nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào các lĩnh vực sản xuất, nâng cao năng lực quản lý, chuẩn hoá mô hình quản trị doanh nghiệp.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực phục vụ đồng thời công tác sản xuất và ứng dụng khoa học công nghệ đảm bảo đủ về số lượng, ngành nghề, có chất lượng chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với thực tế sản xuất Công ty.

5.2. Giải pháp chung

a) Giải pháp về đầu tư

- Bố trí các nguồn lực phù hợp để thực hiện thăm dò, duy trì các dự án hiện có và phát triển các dự án khai thác mới trong Quy hoạch về tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ... đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đảm bảo an sinh xã hội, thu nhập cho người lao động.

- Đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất, Giấy phép khai thác, Giấy phép môi trường, lập, trình duyệt thiết kế PCCC ... và khởi công xây dựng Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh sớm nhất. Phối hợp cùng các đơn vị tư vấn triển khai lập đề án khoan thăm dò, làm các thủ tục và tiến hành đầu tư Dự án khai thác hầm lò phần lò Giếng mức -50 ÷ -175 khu Cánh Gà mỏ than Vàng Danh phục vụ phát triển mỏ bên vùng.

- Nâng cao chất lượng công tác tư vấn từ khâu thăm dò đến khai thác, chế biến than; tận dụng tối đa năng lực sẵn có của các đơn vị trên cùng địa bàn, trên cơ sở hai bên cùng có lợi theo các hình thức thuê làm dịch vụ trọn gói từng công đoạn, từng việc...

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý dự án: xây dựng kế hoạch, theo dõi, giám sát đầu tư chặt chẽ, kịp thời xử lý các tình huống phát sinh để đảm bảo tuân thủ theo kế hoạch thực hiện đề ra; cập nhật các quy định hiện hành của nhà nước về công tác quản lý đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án đầu tư.

c) Giải pháp về phát triển nguồn vốn và nâng cao tiềm lực tài chính

- Tận dụng mọi nguồn lực để huy động nguồn vốn vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thu xếp vốn, hoàn trả vốn cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Công ty trong trung và dài hạn.

- Dẩy mạnh triển khai các giải pháp để huy động nguồn vốn ổn định, lâu dài, chi phí sử dụng vốn hợp lý đảm bảo đủ nguồn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển các dự án mới: Vốn chủ sở hữu (lợi nhuận giữ lại từ hoạt động kinh doanh, phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ); Vốn vay (vay ngân hàng ngắn hạn, dài hạn); các nguồn vốn khác (thuê tài chính, thuê tài sản hoạt động).

- Huy động, sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả và an toàn, Vốn Chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển: trích quỹ đầu tư phát triển hàng năm từ nguồn lợi nhuận để lại để tích lũy bổ sung vốn điều lệ; xây dựng phương án tăng vốn điều lệ trình các cấp từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ Lợi nhuận để lại (dự kiến tăng cho giai đoạn 2028-2030); tận dụng tối đa nguồn vốn vay tín dụng cho tối thiểu 70%/tổng mức đầu tư các dự án, thời gian huy động đảm bảo thời gian, tiến độ thực hiện dự án; xây dựng và triển khai kế hoạch thu xếp vốn, hoàn trả vốn đối với các khoản vốn vay của Công ty đảm bảo hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

- Cân đối kế hoạch sử dụng vốn hài hòa giữa các năm.

d) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo; thường xuyên hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, hệ thống thang bảng lương, định mức lao động.

- Ra soát xác định số lượng nguồn lực gắn bó lâu dài với Công ty để đào tạo, nâng cao trình độ, tay nghề, chế độ tiền lương và sự thăng tiến để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, còn thiếu thuộc các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính.

- Từng bước xây dựng đội ngũ quản lý các phòng ban, phân xưởng được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt thông qua các giải pháp: (i) Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo các cấp (cấp đơn vị, cấp công ty và cấp chiến lược). Các cán bộ lãnh đạo, quy hoạch lãnh đạo cần bảo đảm có phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn doanh nghiệp, có tư duy đột phá, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của Công ty và đơn vị; (ii) Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong quản trị điều hành doanh nghiệp; giám sát chặt chẽ và xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cá nhân, vi phạm pháp luật;

- Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù cho người lao động trong điều kiện vất vả, nặng nhọc; chuẩn bị đủ lực lượng công nhân kỹ thuật các ngành nghề chính; thực hiện cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc đối với lao động quản lý; tăng cường tự đào tạo nhân lực; động viên, khen thưởng kịp thời, tạo sự thăng tiến đúng đối tượng;

- Tiếp tục cử cán bộ nhân viên đi học hỏi, tham quan thực tế tại các mô trong và ngoài TKV hoặc nước ngoài có trình độ công nghệ tiên tiến và hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại; tổ chức các chương trình đào tạo, trao đổi chuyên gia, trao đổi kinh nghiệm quản lý, vận hành; cập nhật, nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý và người lao động về thị trường năng lượng cạnh tranh, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả...

e) Giải pháp về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Duy trì vận hành có hiệu quả các công trình môi trường đã đầu tư, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường thường xuyên, tuân thủ các thủ tục, quy định pháp luật của nhà nước và địa phương trong lĩnh vực quản lý môi trường.

- Tăng cường đầu tư các công trình đảm bảo mục tiêu môi trường một cách tổng thể, nhất là các công trình cải thiện môi trường cảnh quan các mặt bằng sản xuất, môi trường làm việc nhằm từng bước hoàn thành mục tiêu “Đưa công viên vào trong mỏ, nhà máy”, “Xanh hóa môi trường khai thác mỏ”; đồng thời triển khai thực hiện quản lý môi trường theo Tiêu chí môi trường “Sáng - Xanh - Sạch” mà TKV đã ban hành.

- Triển khai thực hiện các đề án bảo vệ môi trường dài hạn của TKV, làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành từ cơ quan quản lý điều hành đến các đơn vị thành viên được chủ động, tổng thể, đồng bộ với các quy hoạch liên quan, phù hợp với Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn.

- Quản lý và thực hiện công tác bảo vệ môi trường với trình độ khoa học công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến; tiếp tục chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ trong kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò, lộ thiên; xây dựng và triển khai “Kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, định hướng tới 2050”.

- Từng bước nghiên cứu và triển khai thực hiện mục tiêu “Phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, nâng cao chuỗi giá trị khai thác khoáng sản của TKV” như: nghiên cứu triển khai tái chế nước thải mỏ sau xử lý thành nước sinh hoạt; thu hồi, chế biến đất đá thải sau khai thác khoáng sản tại các mỏ than và tro xỉ nhà máy điện thành vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng phục vụ phát triển kinh tế của các địa phương.

- Xây dựng kế hoạch quản lý và đào tạo các nội dung về BVMT một cách bài bản, thường xuyên đối với các cấp trong hệ thống tổ chức sản xuất của Tập đoàn để triển khai thực hiện tổng thể, đồng bộ, hiệu quả; tăng cường nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

g) Giải pháp về tái cơ cấu, tổ chức sản xuất

- Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành tiếp tục thực hiện: (i) Hội đồng quản trị 05 thành viên (Chủ tịch và 04 thành viên); (ii) Ban kiểm soát 03 thành viên (Trưởng Ban và 02 thành viên); (iii) Ban lãnh đạo điều hành 06 thành viên (Giám đốc, 04 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng); (iv) 14 phòng ban và 37 phân xưởng bảo đảm hiệu lực, hiệu quả và an toàn.

- Bám sát văn bản hướng dẫn TKV mới ban hành và điều kiện thực tế sản xuất từng năm của Công ty để tiến hành rà soát, sắp xếp lại các phân xưởng sản xuất, phòng tham mưu cho phù hợp, số lượng đầu mỗi sản xuất và tỷ lệ lao động các khu vực quản lý, phục vụ thấp hơn mức TKV quy định để thực hiện mục tiêu “Doanh nghiệp ít người - Tiền lương cao”.

i) Giải pháp về phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Tiếp tục phát triển Quy tắc ứng xử “Tự hào là Công nhân Mỏ than Vàng Danh” kèm theo Quyết định số 4192/QĐ-TVD và Quy định về việc chấm điểm Đơn vị Văn hóa kèm theo Quyết định số 478/QĐ-TVD với các nội dung: xác định sứ mệnh của Công ty; xác định các giá trị cốt lõi trong hoạt động của Công ty; hình thành các tiêu chuẩn ứng xử, mô tả truyền thống và các đặc điểm hình thức của văn hóa doanh nghiệp.

- Hình thành văn hóa doanh nghiệp lấy con người là trung tâm. Theo đó, các mục tiêu của tổ chức không được đối lập với lợi ích của người lao động và hệ thống quản lý.

cần đảm bảo sự tương tác giữa công nhân viên và quản lý. Chú trọng cách thức truyền đạt văn hoá doanh nghiệp từ người quản lý sang cấp dưới, từ nhân viên có kinh nghiệm sang thành viên mới trong nhóm.

- Chú trọng văn hóa mục tiêu khi bối cảnh bên ngoài thay đổi. Chú trọng văn hoá của từng đơn vị trong Công ty (bộ phận, phân xưởng, nhóm/tổ/đội công tác) trong khi vẫn tuân thủ văn hóa doanh nghiệp chung của Công ty.

5.3. Giải pháp cụ thể phát triển sản xuất kinh doanh

- Thăm dò, khai thác: Tiếp tục thăm dò, đầu tư dự án, khai thác các mỏ than theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023; đẩy nhanh công tác thăm dò, đánh giá tài nguyên, trữ lượng than Công ty được giao quản lý để chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho đầu tư phát triển bền vững Công ty.

- Công nghệ khai thác, đào lò: Đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tăng cường áp dụng cơ giới hoá (phần đầu sau năm 2030 có hai lò chợ CGH), tự động hoá và chuyển đổi số; nghiên cứu áp dụng các công nghệ khai thác không để lại trụ than bảo vệ, sử dụng trụ bảo vệ nhân tạo; áp dụng các giải pháp kỹ thuật để giảm thiểu tỷ lệ tổn thất và tăng tỷ lệ thu hồi than sạch. Tổ chức phân luồng tuyến vận tải, tuyến tiêu than hợp lý theo các khu vực khai thác than ... để tuyến tiêu than ngắn nhất, hành trình dòng than chảy qua ít băng tải/máng cào nhất để tiết kiệm nhân lực.

- Công tác chuẩn bị diện phải bám sát tiến độ khai thác các lò chợ, lịch đào lò để đào các gương đào lò, mũi thi công trọng điểm bảo đảm không để chậm diện, nhờ diện khai thác và phải đảm bảo diện dự phòng.

- Tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ mới phù hợp tăng tỷ lệ cơ giới hoá khâu gián đồng bộ, bao gồm cả vỉa dốc.

- Công tác chuẩn bị diện phải bám sát tiến độ khai thác các lò chợ, lịch đào lò để đào các gương đào lò, mũi thi công trọng điểm, đảm bảo không để chậm diện, nhờ diện khai thác và luôn có tối thiểu 20% diện lò chợ dự phòng; mỗi khu vực có ít nhất 1 diện lò chợ đã đào lò khai thông xong, lắp đặt đầy đủ thiết bị lò // đầu, lò // chân;

- Chế biến, pha trộn than: hoàn thiện các phương thức sàng tuyển, chế biến với công nghệ tiên tiến, hiện đại, linh hoạt ... bảo đảm sản phẩm than sau sàng tuyển, chế biến không còn sót tạp chất lẫn trong than.

6. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các giải pháp quản trị kinh doanh, kiểm soát chi phí và quản trị rủi ro:

6.1. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh:

Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinalco là một đơn vị khai thác than hầm lò. Do đó có những rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

- Những rủi ro không lường trước khi thăm dò đánh giá trữ lượng than ở độ sâu hơn 300m so với mực nước biển do hạn chế về trình độ công nghệ thăm dò, phương pháp đánh giá, chi phí đầu tư cho thăm dò lớn, sai số cao và độ tin cậy thấp;

- Hạn chế về áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa bằng công nghệ khai thác than bằng phương pháp hầm lò ở các tầng sâu, điều kiện địa chất phức tạp, thông tin không tin cậy; rủi ro về mất an toàn cho con người và công trình, thiết bị máy móc cao, dẫn đến năng suất thấp, giá thành than cao và không đảm bảo hiệu quả đầu tư và lợi nhuận kinh doanh;

- Ở Việt Nam, hiệu suất sử dụng năng lượng trong các nhà máy nhiệt điện chỉ đạt 28 đến 32% (thấp hơn mức thế giới 10%), hiệu suất các lò hơi công nghiệp chỉ đạt khoảng 60% (thấp hơn mức trung bình của thế giới khoảng 20%). Do đó lượng than tiêu hao cho một đơn vị năng lượng của Việt Nam cao hơn nhiều không chỉ so với các nước phát triển, mà so cả với những nước trong khu vực. Đồng thời gây ra ô nhiễm môi trường và tăng phát thải khí nhà kính (GHG) tạo ra rủi ro cao về tính tuân thủ pháp luật và quy định về bảo vệ môi trường trong nước và quốc tế. Hiện nay Chính phủ đang triển khai xây dựng các dự án phát triển năng lượng tái tạo, các dự án nhiệt điện dần bị loại bỏ.

- Biến đổi khí hậu đã làm mực nước biển dâng, các trận mưa lũ lớn xảy ra tác động lớn đến các công trình khai thác than hầm lò và các cơ sở hạ tầng có thể bị ngừng trệ và thiệt hại nặng nề gây rủi ro cao cho việc đầu tư thăm dò và khai thác.

- Rủi ro tài chính: Rủi ro này liên quan đến việc huy động vốn, đến sự thay đổi của tỷ giá hối đoái. Những khoản phát sinh tăng mà không buộc khách hàng chịu.

Rủi ro tài chính là rủi ro phát sinh từ độ nhạy cảm của các nhân tố giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hóa, chứng khoán và những rủi ro do doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính - sử dụng nguồn vốn vay - trong kinh doanh, tác động đến thu nhập của doanh nghiệp.

- Rủi ro lãi suất: Trong hoạt động kinh doanh, hầu như tất cả các doanh nghiệp đều phải sử dụng vốn vay. Khi lập kế hoạch kinh doanh, tuy lãi suất tiền vay đã được dự tính, song có rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay. Khi lạm phát xảy ra, những tính toán, dự kiến trong kế hoạch kinh doanh ban đầu bị đảo lộn.

- Rủi ro tỷ giá là sự thay đổi tỷ giá ngoại tệ mà doanh nghiệp không thể dự báo trước. Trong trường hợp các giao dịch của doanh nghiệp thực hiện trên cơ sở tỷ giá ngoại tệ mà hàng hóa đã được định giá trước, khi tỷ giá có sự biến động có thể tạo ra rủi ro dẫn đến thua lỗ. Tùy theo quy mô sử dụng ngoại tệ, doanh nghiệp có thể chịu số lỗ do rủi ro về tỷ giá nhiều hay ít. Ví dụ theo số liệu của Bộ Tài chính, việc kinh doanh xăng dầu của các DN ở nước ta thời gian qua đã lỗ trên 1 ngàn tỷ đồng do tỷ giá thay đổi.

- Rủi ro biến động giá cả hàng hóa: Đối với các doanh nghiệp có các giao dịch mua, bán hàng hóa theo hợp đồng cố định giá trong một thời gian dài, rủi ro biến động giá cả hàng hóa có thể sẽ là một rủi ro lớn. Đặc biệt trong trường hợp nền kinh tế có tỷ lệ lạm phát cao, giá cả hàng hóa thay đổi hàng ngày. Đối với đa số doanh nghiệp sản xuất, sản phẩm đầu ra thường được ký hợp đồng theo đơn hàng trước khi sản xuất, khi giá cả biến động, nguyên vật liệu đầu vào tăng, nhưng giá bán sản phẩm đã cố định từ trước, nguy cơ thua lỗ là rất lớn.

- Rủi ro về Giấy phép hoạt động: Đối với Công ty là một hoạt động khai thác khoáng sản do đó việc không thuê được đất, chậm xin cấp phép sẽ ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.2. Các giải pháp quản trị kinh doanh, kiểm soát chi phí và quản trị rủi ro

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ ranh giới mỏ và tài nguyên khoáng sản trong quá trình sản xuất, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý doanh nghiệp, luôn tạo ra và duy trì động lực phát triển, mở rộng quan hệ quốc tế, phát triển thị trường, duy trì và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Đưa dự án đầu tư vào hoạt động đúng tiến độ nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư; quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư, đảm bảo tiến độ huy động vốn và trả nợ đảm bảo tài chính lành mạnh.

- Thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các chỉ tiêu công nghệ, tiêu chuẩn cơ sở, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá, ... phục vụ cho công tác quản trị chi phí, sản lượng và chất lượng sản phẩm.

- Nâng cao chất lượng công tác quản trị chi phí giá thành, quản trị tài nguyên và quản trị nguồn nhân lực. Kiểm soát chặt chẽ chi phí phát sinh từ khâu đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất.

- Thiết lập hệ thống cơ chế nhận dạng, đánh giá, phòng ngừa, xử lý rủi ro trong đầu tư, sản xuất và kinh doanh.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và công nghệ GPS vào các lĩnh vực quản lý: quản lý tài nguyên, môi trường; quản lý đầu tư xây dựng; quản lý vật tư, kỹ thuật, thiết bị, tài sản cố định; quản lý định mức, đơn giá; quản lý công tác hạch toán kinh doanh. Lắp đặt các hệ thống điều khiển tự động trung tâm cho tất cả các khâu sản xuất, nhất là các dây chuyền khai thác, vận chuyển, hầm bơm, trạm điện, các nhà máy tuyển....

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động SXKD

a) Tình hình chung:

1.1. Thuận lợi: Năm 2025 là năm đặc biệt, diễn ra nhiều sự kiện chính trị trọng đại của đất nước tạo khí thế thi đua lao động trong công nhân cán bộ người lao động trong Công ty. Được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của các cơ quan, ban ngành, địa phương và đặc biệt là TKV công tác chuẩn bị diện, các điều kiện sản xuất được Công ty xác định và chuẩn bị đầy đủ từ cuối năm 2024 nên đã tạo đà tốt cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2025. Mặt khác luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã có các cơ chế điều hành sản xuất hợp lý, thúc đẩy sản xuất, hoàn thành kế hoạch TKV giao

1.2. Khó khăn:

- Tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, rủi ro, tình trạng bất ổn an ninh, chính trị tiếp tục leo thang tại một số quốc gia, khu vực, nhất là tại Nga – Ucraina, dải Gaza,... Lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, chính sách tiền tệ tại nhiều nền kinh tế lớn tiếp tục được điều hành thận trọng theo hướng thắt chặt; giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu thế giới biến động mạnh, do đó làm ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nước ta nói chung và TKV cũng như Công ty nói riêng;

- Công tác tiêu thụ than của TKV vẫn còn gặp khó nên lượng than tồn kho của Công ty tăng cao, phát sinh thêm chi phí đánh tải cón đồng và vận chuyển than ra các kho chứa, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc cân đối chi phí-doanh thu-lợi nhuận.

b) Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Than nguyên khai tổng số: 4.292 nghìn tấn bằng 99,9% kế hoạch PHKD. Trong đó: (i) Than hầm lò 3.777 nghìn tấn/3.775 bằng 100,1% kế hoạch PHKD; (ii) Than lộ thiên 25 nghìn tấn/25 nghìn tấn bằng 100%; (iii) Than mua của Công ty Than Ưng Bí: 490/495 nghìn tấn bằng 99% kế hoạch PHKD;

- Than sạch sản xuất: 3.780/3.753 nghìn tấn bằng 100,7% kế hoạch PHKD

- Mét lò CBSX: 41.052/41.050 mét bằng 100% kế hoạch PHKD;
- Than tiêu thụ: 3.748/3.753 nghìn tấn bằng 99% kế hoạch PHKD;
- Doanh thu than: 6.668/ 6.291 tỷ đồng bằng 106% kế hoạch PHKD;
- Lao động bình quân: 5.788/6.280 người, bằng 92,2% kế hoạch PHKD;
- Tiền lương bình quân: 22.915/22.326 nghìn đồng/người- tháng, bằng 102,6% kế hoạch PHKD

- Đầu tư XDCB: Giá trị thực hiện năm 2025: 530 tỷ đồng/KH: 390 tỷ đồng, đạt 135%.

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước: Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, tổng số tiền nộp ngân sách năm 2025 là 1.226,7 tỷ đồng;

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh: Công ty đã tiến hành thuê kiểm toán độc lập thực hiện chế độ kiểm toán theo quy định. Lợi nhuận trước thuế: 97,443 tỷ đồng bằng 114,1% kế hoạch;

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

+ Hệ số nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn: 74,4%; năm 2024 là 72,58%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản: 3,04%; năm 2024 là 4,14%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH: 11,67%; năm 2024: 14,06%

- Một số công việc khác.

(i) Về tổ chức điều hành: Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCD thông qua; đề ra cơ chế điều hành và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, chủ động cân đối sản xuất - tiêu thụ phù hợp, tăng cường sản xuất các chủng loại than thị trường có nhu cầu cao; tập trung điều hành sản xuất theo nhu cầu tiêu thụ.

(ii) Về công tác tổ chức sản xuất: Thực hiện Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam; văn bản số 5999/TKV-TCNS ngày 07/12/2023 của TKV về việc triển khai thực hiện đề án cơ cấu lại TKV đến 2025. Công ty tiếp tục rà soát lại tổ chức sản xuất tái cơ cấu lại Công ty đến năm 2025.

(iii) Về quản lý tài nguyên, ranh giới mỏ: Công ty đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp quản lý, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên than, không để thất thoát. Trong năm không để xảy ra khai thác than trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ Công ty được giao quản lý.

(vi) Về quản trị doanh nghiệp: Thực hiện nhiều giải pháp quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; quản trị chi phí, quản lý vật tư, lao động tiền lương, kế toán thống kê, quản lý dòng tiền; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy chế liên quan đến quản lý của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và quy định của Tập đoàn, của Nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Q.Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03/3/2025
2	Ông Hồ Quốc	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/3/2025
3	Ông Phạm Thế Hưng	Phó Giám đốc	
4	Ông Vương Minh Thu	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/8/2025
5	Ông Trần Văn Thức	Phó Giám đốc	
6	Ông Lê Thành Thường	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/5/2025
7	Ông Đỗ Văn Tinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2025
8	Bà Trần Thị Thu Thảo	Kê toán trưởng	

❖ ÔNG: HỒ QUỐC - GIÁM ĐỐC, TVHĐQT

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	14/06/1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số CCCD:	022072012091 Cấp ngày 15/01/2023; Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 13b Khu 4, Quang Trung, TP. Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 12/1992-7/2000	Công nhân khai thác lò Mỏ than Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
✓ 8/2000-02/2007	Phó quản đốc, PX.K4, K1 Công ty than Vàng Danh
✓ 3/2007-3/2010	Quản đốc, PX.K11 Công ty Cổ phần Than Vàng Danh
✓ 4/2010-02/2013	Phó phòng TCLĐ, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin
✓ 3/2013 - 07/2018	Trưởng phòng TCLĐ, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-

	Vinacomin
✓ 08/2018 đến 03/3/2025	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
✓ 04/3/2025	Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	393 cổ phần

❖ **ÔNG: NGUYỄN VĂN DŨNG - Q. GIÁM ĐỐC (đến ngày 03/3/2025)**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	10/07/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	035073002795 Cấp ngày 14/3/2019; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Thanh Sơn, Ưông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:	
✓ 04/1993 - 06/1995	Công nhân nhà máy cơ khí Cẩm Phả
✓ 07/1995 - 03/1997	Công nhân phân xưởng ô tô, Mỏ than Vàng Danh
✓ 04/1997 - 10/2004	Nhân viên phòng Kế hoạch, Công ty Than Vàng Danh
✓ 11/2004 - 03/2008	Phó phòng Kế hoạch, Công ty than Vàng Danh
✓ 04/2008 - 03/2016	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin
✓ 04/2016 - 14/1/2020	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
✓ 15/1/2020 - 15/9/2024	Phó Giám đốc
✓ 16/9/2024 đến 03/3/2025	Quyền Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	5.097 cổ phần

❖ Ông TRẦN VĂN THỨC- PHÓ GIÁM ĐỐC, TVHĐQT

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	03/01/1980
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100714172 Cấp ngày 09/09/2011; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Nam Khê, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Xây dựng Công trình ngầm và Mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ Từ tháng 08/2005	Nhân viên Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
✓ Từ tháng 02/2011	Phó quản đốc PX.K12;, Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
✓ Từ tháng 10/2011	Phó phòng KT-KT, Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
✓ Từ tháng 3/2016	Trưởng phòng KCM, Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
✓ Từ tháng 3/2022 đến nay	Phó Giám đốc, Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	1.000 cổ phần

❖ Ông: PHẠM THẾ HÙNG - PHÓ GIÁM ĐỐC

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	23/09/1967
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Căn cước công dân:	022067000936 Cấp ngày 13/6/2017; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐLQL
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 4, Khu 4, Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10

- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Cơ điện mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 2/1992 – 6/1998	Công nhân thợ tiện, PX.Cơ điện lò, Mỏ than Vàng Danh,
✓ 7/1998 – 2/2008	Nhân viên, Phòng Cơ điện Công ty than Vàng Danh
✓ 3/2008 – 10/2016	Phó phòng, Phòng Cơ điện-Vận tải Công ty Cổ phần Than Vàng Danh,
✓ 11/2016 – 9/2018	Quản đốc phân xưởng Vận tải lò, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh,
✓ 10/2018 – 2/2019	Trợ lý Giám đốc, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh,
✓ 3/2019 đến nay	Phó Giám đốc, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh,
Số cổ phần nắm giữ	1.438 cổ phần

❖ **ÔNG ĐỒ VĂN TỈNH - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	09/6/1981
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số CCCD:	036081022659, ngày 28/09/2021
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 26 Khu phố Quang Trung 7, Phường Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
Từ 3/2006÷6/2013	Nhân viên Phòng KT-KT, Công ty CP Than Vàng Danh
Từ 7/2013÷8/2013	Tổ trưởng sản xuất Phòng KT-KT, Công ty CP Than Vàng Danh
Từ 9/2013÷02/2016	Phó quản đốc, PX.KT8 Công ty CP Than Vàng Danh
Từ 3/2016÷3/2016	Nhân viên Phòng KT-KT, Công ty CP Than Vàng Danh
Từ 4/2016÷6/2016	Phó trưởng phòng, Phòng KT-KT, Công ty CP

	Than Vàng Danh
Từ 7/2016÷9/2016	Phó quản đốc, PX.KT7 Công ty CP Than Vàng Danh
Từ 10/2016 ÷ 3/2020	Quản đốc, PX.KT7 Công ty CP Than Vàng Danh
Từ 4/2020 đến 10/2025	Ủy viên BCH Đảng bộ Công ty; Quản đốc, PX.KT7 Công ty CP Than Vàng Danh
Từ 11/2025 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	93 cổ phần

❖ **ÔNG LÃ THÀNH THƯỜNG-PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	19/10/1983
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số CCCD:	022083010486 cấp ngày 26/9/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 13B, Khu 4, Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
08/2006-11/2011	Nhân viên Phòng Kỹ thuật khai thác Công ty than Vàng Danh
12/2011	Chấm dứt HĐLĐ số 1772/QĐ- TVĐ- TCLĐ ngày 08/12/2011(Cơ quan quản lý điều hành Công ty mẹ Tập đoàn CN than khoáng sản VN)
01/2012-02/2014	Chuyên viên Ban kỹ thuật - Công nghệ mỏ Tập đoàn Công nghiệp than KS Việt Nam- Trung tâm điều hành sản xuất tại Quảng Ninh
03/2014- 04/2015	Phó phòng; Phòng kế hoạch Công ty CP than Mông Dương -Vinacomin
05/2015-02/2016	Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Khai thác Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin
03/2016-02/2019	Phó phòng; Phòng Kỹ thuật - Khai thác Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin
03/2019-12/2019	Phó quản đốc PX khai thác 12; Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin
01/2020-12/2020	Quản đốc PX khai thác 12; Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin

01/2021-03/2022	Phó phòng; Phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ, Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin
04/2022 – 05/2025	Trưởng phòng; Phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ, Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin
Từ 17/5/2025 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	500 cổ phần

❖ BÀ: TRẦN THỊ THU THẢO - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	08/01/1982
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	0221.8200.5887
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:	
10/2003 - 04/2004	Công nhân phân xưởng Chế biến than - Công ty than Vàng Danh
04/2004-02/2013	Nhân viên Phòng TK-KT-TC Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin
03/2013 đến 03/07/2017	Phó phòng TK-KT-TC Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin
03/7/2017 đến 18/08/2017	Người phụ trách kế toán Công ty, Quyền Trưởng phòng TK-KT-TC Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin
19/08/2017 đến nay	Kế toán trưởng Công ty
Số cổ phần nắm giữ	68.477 cổ phần

b) Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Lao động sử dụng bình quân năm 2025: 5.788 người/6.280 người lao động kế hoạch bằng 92,2%. Tổng số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2025 là 5.636 người, giảm so với thời điểm 01/01/2025 là 47 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Kết quả thực hiện đầu tư:

- Giá trị thực hiện: 530 tỷ đồng/Kế hoạch 390 tỷ đồng, bằng 135%.
- Giải ngân: 526 tỷ đồng/Kế hoạch 419 tỷ đồng, bằng 125,6%.

3.2. Tình hình triển khai một số dự án trong kế hoạch:

- Về thực hiện các dự án trọng điểm:

+ Dự án nâng cao năng lực vận tải phục vụ sản xuất giếng nghiêng: Theo các Giấy phép khai thác than thì sau năm 2025, diện sản xuất đào lò và khai thác giếng mức +105/+0 sẽ giảm dần và mức +0/-175 sẽ tăng lên dần đến số người đi lại bằng tời qua các giếng Vàng Danh khoảng 1.030 người đến 1.202 người/ca, do vậy, cần xác định tổng thể nhu cầu đi lại và năng lực vận tải của các thiết bị theo thực tế sản xuất của mỏ Vàng Danh. Công ty đã tổ chức đầu tư 01 hệ thống tời vô cực mã hiệu KS-900/250 trọn bộ để lắp đặt tại lò giếng nghiêng chính mức +110/-200 Giếng Vàng Danh với năng lực vận tải được 08 toa xe chở được 192 người/chuyến, giá trị tổng mức đầu tư là 119 tỷ đồng. Đã lắp đặt hoàn thiện đưa vào sử dụng từ tháng 12/2025 đã góp phần nâng cao năng lực vận tải người qua giếng, giảm thời gian đi lại đầu ca, tăng thời gian tham gia sản xuất.

+ Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, Mỏ than Vàng Danh:

(i) Về hồ sơ chủ trương đầu tư và quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500: Đã được địa phương chấp thuận và phê duyệt; đã tổ chức công bố quy hoạch tại địa điểm thực hiện dự án;

(ii) Về báo cáo NCKT: Theo ý kiến chỉ đạo của TKV, Công ty đã đơn đốc, phối hợp với Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư mỏ và Công nghiệp, Viện Khoa học công nghệ mỏ hoàn thiện nội dung dự án, trình TKV tháng 11/2025. Nội dung dự án đã được báo cáo Hội đồng thành viên TKV xem xét thông qua tháng 12/2025;

(iii) Về lập báo cáo ĐTM: Đã hoàn thiện báo cáo, thực hiện tham vấn xong tại Bộ NN-MT, sở NN-MT và UBND phường Vàng Danh theo quy định; đã trình Bộ NN-MT thông qua báo cáo ĐTM của dự án. Ngày 20/8/2025, Hội đồng thẩm định đã kiểm tra hiện trường và ngày 22/8/2025 đã họp Hội đồng thẩm định, ĐTM của dự án đã được chỉnh sửa hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng thẩm định nộp lại Bộ NN và MT vào ngày 06/01/2026; ĐTM của dự án đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 474/QĐ-BTNMT, ngày 05/02/2026.

(iv) Về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thông qua tại kỳ họp tháng 6/2025; Công ty đã hoàn thiện thủ tục nộp tiền trồng rừng thay thế và đã được Sở NN-MT xác nhận vào ngày 10/7/2025. UBND tỉnh Quảng Ninh đã có chấp thuận chuyển mục đích rừng sang mục đích khác tại phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh tại Quyết định số 3549/QĐ-UBND, ngày 19/9/2025.

(v) Về chuyển mục đích sử dụng đất sang mục đích khác: Hồ sơ đã được phường Vàng Danh xác nhận, đã trình hồ sơ xuống Sở NN&MT và được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 23/9/2025.

+ Dự án Đầu tư cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên vỉa 4 ÷ 8A Mỏ than Vàng Danh: Thực hiện xong xin cấp phép khai thác dự án đầu tư cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên vỉa 4 ÷ 8A Mỏ than Vàng Danh đã được Bộ NN-MT cấp phép vào ngày 31/10/2025, đang tiến hành các thủ tục thuê đất.

+ Đề án khoan khảo sát thăm dò khu Cảnh gà, Mỏ than Vàng Danh đã được Bộ Nông Nghiệp và Môi trường cấp phép thăm dò khoáng sản. Hiện đang LCNT để lập phương án thi công.

+ Các dự án đã hoàn thành năm 2025:

- Dự án đầu tư hệ thống tự động hóa tuyển vận tải lò chợ-Giá trị thực hiện 9,5 tỷ đồng/TMDT 10,5 tỷ đồng

- Dự án đầu tư thiết bị máy combai đào lò - Giá trị thực hiện 15 tỷ đồng/TMDT 19,5 tỷ đồng

- Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2023-Giá trị thực hiện 83 tỷ đồng/TMDT 92 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024- Giá trị thực hiện 88 tỷ đồng/TMDT 97 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư thiết bị khắc phục sự cố do ảnh hưởng của bão số 3- Giá trị thực hiện 5 tỷ đồng/TMDT 7,5 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư thiết bị phục vụ khai thác đào lò năm 2024- Giá trị thực hiện 77 tỷ đồng/TMDT 84 tỷ đồng

- Dự án đầu tư tự động hoá, giám sát trạm phân phối 6 kV hầm lò- Giá trị thực hiện 8,6 tỷ đồng/TMDT 9,9 tỷ đồng

- Dự án đầu tư XDCT cải tạo nâng cao năng lực sàng tuyển và tự động hóa Nhà máy tuyển Vàng Danh 1 - Giá trị thực hiện 79 tỷ đồng/TMDT 89 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất- Giá trị thực hiện năm 2025: 79 tỷ đồng/TMDT 83 tỷ đồng.

+ Các dự án trọng điểm đang triển khai:

- Dự án nâng cao năng lực vận tải phục vụ sản xuất giếng nghiêng- Giá trị thực hiện năm 2025: 56 tỷ đồng/TMDT 101 tỷ đồng đạt 55% KH. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025: 57 tỷ đồng/TMDT 117 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2025- Giá trị thực hiện năm 2025: 87 tỷ đồng/KH ban đầu 70 tỷ đồng, đạt 124% KH. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025: 87 tỷ đồng/TMDT 188 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư hệ thống nạo vét bùn hầm lò- Giá trị thực hiện năm 2025: 2,6 tỷ đồng/KH ban đầu 2,2 tỷ đồng, đạt 116% KH. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025: 2,6 tỷ đồng/TMDT 14 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư thiết bị phục vụ khai thác đào lò năm 2025- Giá trị thực hiện năm 2025: 173 tỷ đồng/KH ban đầu 66,5 tỷ đồng, đạt 260% KH. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025: 173 tỷ đồng/TMDT 186 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư bổ sung thiết bị phục vụ công tác thông gió và quản lý kiểm soát khí mỏ-Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin- Giá trị thực hiện năm 2025: 8 tỷ đồng/KH ban đầu 5 tỷ đồng, đạt 159% KH. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025: 8 tỷ đồng/TMDT 44 tỷ đồng.

- Dự án: Đầu tư thiết bị duy trì lò chợ cơ giới hoá- Giá trị thực hiện năm 2025: 13,5 tỷ đồng/KH ban đầu 12,5 tỷ đồng, đạt 108% KH. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025: 13,5 tỷ đồng/TMDT 71 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư cải tạo hệ thống thông gió Giếng Vàng Danh- Giá trị thực hiện năm 2025: 6,7 tỷ đồng/KH ban đầu 10 tỷ đồng, đạt 66% KH. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025: 6,7 tỷ đồng/TMDT 39,5 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư hệ thống thiết bị cơ giới hoá lò chợ giảm mềm- Giá trị thực hiện năm 2025: 0,4 tỷ đồng/KH ban đầu 0,2 tỷ đồng, đạt 181% KH. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025: 0,4 tỷ đồng/TMDT 12,5 tỷ đồng

- Dự án đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải sinh hoạt, Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin- Giá trị thực hiện năm 2025: 3 tỷ đồng/KH ban đầu 1,6 tỷ đồng, đạt 192% KH. Lũy kế thực hiện đến 31/12/2025: 3 tỷ đồng/TMDT 5,6 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư thiết bị máy combai đảo lò - Giá trị thực hiện 15 tỷ đồng/TMDT 19,5 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư tự động hoá, giám sát trạm phân phối 6 kV hầm lò- Giá trị thực hiện 8,6 tỷ đồng/TMDT 9,9 tỷ đồng

- Dự án đầu tư XDCT cải tạo nâng cao năng lực sàng tuyển và tự động hóa Nhà máy tuyển Vàng Danh 1- Giá trị thực hiện 79 tỷ đồng/TMDT 89 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải sinh hoạt, Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin- Giá trị thực hiện năm 2025: 3 tỷ đồng/TMDT 5,6 tỷ đồng.

3.3. Tình hình thanh toán, giải ngân

- Các công trình, hạng mục hoàn thành, Công ty đã hoàn thiện thủ tục giải ngân theo quy định. Giá trị giải dự kiến năm 2025 ước đạt: 526 tỷ đồng/Kế hoạch 419 tỷ đồng, bằng 125,6%. Kế hoạch.

- Các nguồn vốn sử dụng cho các dự án trong năm 2025 đã được Công ty tuân thủ theo quyết định được duyệt, cân đối với khả năng thực hiện, theo đúng chủ trương của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và các Ngân hàng thương mại, đảm bảo có đủ vốn trong công tác XDCTB.

- Các nguồn vốn hiện có của Công ty và vốn huy động khác được bố trí cho các dự án là phù hợp.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ % tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	2.472.184.635.346	2.563.111.540.640	3,68
2	Doanh thu thuần	đồng	6.473.476.824.880	6.668.850.345.722	3,02
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	119.944.737.557	91.292.736.647	-23,89
4	Lợi nhuận khác	đồng	966.730.560	6.151.106.757	536,28
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	120.911.468.117	97.443.843.404	-19,41

6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	95.328.871.179	76.555.782.938	-19,69
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	8	5	-37,5

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Kỳ báo cáo 2024	Kỳ báo cáo 2025	SS 2025/2024	% tăng, giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:					
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	1,14	1,03	89,97	-10,03
	+ Hệ số thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,98	0,84	85,08	-14,92
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn					
	+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	72,58	74,40	102,50	2,50
	+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	2,59	2,87	110,48	10,48
b	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	+ Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng	28,83	29,74	103,13	3,13
	+ Vòng quay tổng tài sản = Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	2,81	2,65	94,23	-5,77
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
	+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,47	1,15	77,95	-22,05
	+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	14,06	11,67	82,95	-17,05
	+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	4,14	3,04	73,46	-26,54
	+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,85	1,37	73,88	-26,12

Trong năm, Công ty đã thực hiện thu xếp, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Tăng cường công tác quản lý công nợ, đối chiếu thu hồi công nợ kịp thời; Thu nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ kịp thời, đúng luật Thuế và các quy định hiện hành; Hàng tháng phân tích các chỉ tiêu tài chính để quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả nhằm phát hiện sớm các khoản phải thu khó đòi và trích lập dự phòng theo đúng quy định. Xác định các khoản nợ đến hạn trả thu xếp tài chính thanh toán để giảm hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu.

Theo số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025:

+ Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu đạt 2,87 lần/ năm 2024 là 2,59 lần, Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn đạt 1,03 lần/ năm 2024 là 1,14 lần.

Việc huy động vốn của doanh nghiệp sử dụng, đầu tư vào mục đích kinh doanh đã được Tập đoàn phê duyệt. Công ty thực hiện trả nợ gốc và lãi theo đúng cam kết khi huy động vốn.

Công ty đã cân đối điều hành dòng tiền hợp lý, giảm tối đa các khoản nợ phải trả để hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu đạt mức thấp nhất

+ Sau khi thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo đúng quy định hiện hành, Công ty có lợi nhuận sau thuế là 76,55 tỷ đồng. Như vậy đã bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Vốn điều lệ của Công ty là 449.628.640.000 VND (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 44.962.864 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước nắm giữ.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	30.048.743	300.487.430.000	66,83
2	HDQT, BGD, BKS và KTT	312.205	3.122.050.000	0,69
3	Cổ đông cá nhân trong nước	13.589.963	135.899.630.000	30,22
4	Cổ đông cá nhân nước ngoài	26.908	269.080.000	0,06
5	Cổ đông tổ chức trong nước	263.547	2.635.470.000	0,59
6	Cổ đông tổ chức nước ngoài	721.498	7.214.980.000	1,60

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư

+ Vốn đầu tư khi thành lập Công ty cổ phần là 128.507,9 triệu đồng.

+ Ngày 01/02/2012 Phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 128,5 tỷ đồng lên 149,997 tỷ đồng;

- Ngày 04/08/2014 Phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 149,997 tỷ đồng lên 420,35 tỷ đồng;

- Ngày 21/07/2016 Phát hành cổ phiếu của Công ty để tăng vốn điều lệ từ 420,35 tỷ đồng lên 449,628 tỷ đồng;

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty là ngành khai thác than do đó không có nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất, mà chỉ có vật liệu phụ chủ yếu.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tình hình tiêu thụ các loại năng lượng chính trong Công ty:

Năng lượng	Đơn vị	Khối lượng tiêu thụ		
		Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Điện năng	kWh	89.588.188	95.640.930	105.553.920
Dầu Diesel	Lít	1.485.000	1.620.000	1.899.676
Xăng	Lít	77.000	67.200	75.000
Than	tấn	3.000	2.418	3.200

Điện năng là loại năng lượng chiếm tỷ lệ sử dụng lớn nhất tổng nhu cầu năng lượng của Công ty, do đó cần chú trọng kiểm soát đo lường, đánh giá, phân tích tiêu hao điện năng trong quá trình sử dụng; Ngoài ra cũng cần trú trọng xây dựng định mức tiêu hao phù hợp cho nhiên liệu dầu Diesel. Trong năm 2025, Công ty còn phải sử dụng năng lượng là than để cung cấp cho các lò hơi. Trong các năm tới nếu nhu cầu sử dụng than tăng cao thì cần có giải pháp đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng than với các loại năng lượng khác để có giải pháp sử dụng hiệu quả các loại năng lượng.

6.3. Các giải pháp tiết kiệm và hiệu quả

6.3.1. Giải pháp quản lý, điều hành:

a. Vận hành các trạm quạt gió chính:

- Giảm tốc độ quạt gió còn 50% tốc độ vào các ngày Công ty nghỉ sản xuất

b. Tránh sử dụng các phụ tải lớn (VH các hầm bơm trung tâm) vào các khung giờ cao điểm, ưu tiên sử dụng vào các khu giờ thấp điểm và giờ bình thường

- Vận hành các hầm bơm thoát nước mô, trừ những thời gian vận hành bơm liên tục vào mùa mưa. Hạn chế tối đa việc vận hành bơm nước vào giờ cao điểm, chủ động kiểm tra mức nước tại các hầm chứa nước, đường lò cần bơm thoát nước để tổ chức bơm thoát hết nước trước các khung giờ cao điểm, tập trung bơm nước vào giờ thấp điểm, cho phép dừng hẳn máy bơm trong giờ cao điểm nếu mực nước chưa vượt quá mức cần thiết.

c. Tránh vận hành các thiết bị/tuyến/hệ thống thiết bị non tải/không tải trong thời gian dài.

d. Tránh khởi động các thiết bị/tuyến/hệ thống thiết bị có tải trừ trường hợp khởi động sau khi mất điện đột ngột (không báo trước), chỉ dừng thiết bị/tuyến/hệ thống thiết bị vận tải sau khi đã hết tải.

e. Đảm bảo hệ thống cung cấp khí nén, các hệ thống cung cấp thủy lực kín khí, không bị rò rỉ làm tổn thất năng lượng điện tại các máy nén, trạm bơm

g. Hàng ngày, các hệ thống chiếu sáng công cộng ngoài trời chỉ vận hành sau 18h30' (đối với mùa hè), 17h30' (đối với mùa đông) và tắt trước 5h30' (đối với mùa hè), 6h30' (đối với mùa đông), tại các vị trí cố định rà soát lắp đặt bộ sung thiết bị tự động điều khiển hệ thống chiếu sáng, không phụ thuộc vào ý thức người vận hành.

6.3.2. Giải pháp đầu tư, đổi mới công nghệ:

a. Tiếp tục rà soát, mua sắm thiết bị khởi động, điều khiển (biến tần, khởi động mềm) đối với các phụ tải điện có công suất lớn

b. Rà soát các thiết bị, công trình cơ điện để tổ chức thi công, lắp đặt hợp lý, hiệu quả

- Tổ chức thi công và thời gian làm việc tại các đường lò thông gió cục bộ hợp lý để thời gian vận hành quạt gió cục bộ phù hợp, hiệu quả.
- Tính toán, kiểm toán mạng gió mô hợp lý, hạn chế, giảm thiểu tối đa việc sử dụng các trạm quạt gió phụ, quạt gió hỗ trợ làm tiêu tốn năng lượng vô ích.
- Tính toán nhu cầu công nghệ theo yêu cầu để lựa chọn thiết bị điện có công suất hợp lý (máng cào, quạt gió, bơm nước ...) để giảm thiểu thiết bị làm việc non tải, hạn chế tối đa việc lắp đặt bổ sung thiết bị.

6.3.3. Giải pháp tuyên truyền:

Tuyên truyền đến tất cả cán bộ công nhân viên trong công ty về sử dụng năng lượng điện tiết kiệm, hiệu quả với các nội dung như sau:

- Tại các nhà giao ca, hội trường, phòng làm việc, kho tàng, nhà ở tập thể ... của các đơn vị trong Công ty:

+ Tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên vào ban ngày, tắt tất cả các phụ tải không cần thiết, chưa cần sử dụng.

+ Tắt hết các phụ tải khi không có người trong phòng quá 05 phút.

+ Không dùng điều hòa khi nhiệt độ môi trường < 260C, những ngày thời tiết nóng dùng điều hòa nhiệt độ sử dụng năng lượng điện không để điều hòa làm việc ở chế độ nhiệt độ dưới 260C và phải luôn đóng cửa đối với các cửa sổ, đóng cửa sau khi ra/vào đối với cửa chính.

- Thường xuyên kiểm tra, củng cố các thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, các động cơ, các bộ phận quay của máy công tác phải làm việc trơn, không bị rơ rã hay kẹt làm tăng tổn thất năng lượng điện.

- Sử dụng triệt để và hiệu quả các thiết bị điều khiển gồm biến tần, khởi động mềm đang có, hạn chế thấp nhất khởi động trực tiếp để hạn chế dòng khởi động của thiết bị, tiết kiệm năng lượng điện và không ảnh hưởng lớn đến hệ số $\cos\phi$ của lưới điện

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Công ty có 2 nguồn cấp nước chủ yếu là: Nước tự khai thác (nước mặt, nước dưới đất) và nước máy.

Trong đó, năm 2025 nước tự khai thác là 295.669 m³ và nước máy là 10.221 m³

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong 01 ngày: 851 m³/ngày.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Lượng nước thải sau sản xuất của Công ty được đưa về hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, một phần được xả ra môi trường, một phần được thu hồi để bù đắp lượng nước tiêu hao trong quá trình tuyển than của công ty, phun đập bụi các tuyến đường và tái xử lý lần 2 để đạt Quy chuẩn nước cấp sinh hoạt.

- Lượng nước thải qua xử lý: 43.268 m³/ngày đêm

- Lượng nước sử dụng lại: 4.600 m³/ ngày đêm, (trong đó 2.000 m³/ngày đêm tái xử lý thành nước cấp sinh hoạt, 2.600 m³/ngày đêm sử dụng cho sàng tuyển và phun đập bụi) tương đương 10,6 %.

6.5. Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin đã tuân thủ tốt các quy định pháp luật về môi trường. Công ty đã có đầy đủ hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường đối với các dự án, giấy phép khai thác khoáng sản mà Công ty đang thực hiện. Công ty đã thực hiện thu gom, xử lý triệt để các nguồn nước thải hầm lò, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp khác và chất lượng nước sau xử lý đạt Quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Công ty đã duy trì tốt việc hoạt động của các công trình xử lý bụi, khí thải như hệ thống nồi hơi, các quạt phun sương dập bụi. Duy trì việc thực hiện Quan trắc môi trường, quan trắc dịch động bãi thải. Công ty đã xây dựng và triển khai thực hiện hệ thống Quản lý môi trường theo TCVN ISO 14001:2015 và đã được cấp chứng nhận. Trong năm 2025, Công ty không để xảy ra sự cố môi trường. Công ty đã có 01 đoàn kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường là Đoàn kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và môi trường, kiểm tra ngày 17/9/2025 với nội dung “Kiểm tra vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở Mỏ than Vàng Danh – Dự án đầu tư khai thác phần lò giềng mức $\pm 0 \div -175$ khu Vàng Danh”. Đoàn kiểm tra đã ghi nhận và đánh giá Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và đồng ý cấp giấy phép môi trường cho Công ty. Năm 2025, Công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện tốt các tiêu chí môi trường, thể hiện rõ sự quan tâm, chỉ đạo của Công ty trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Công ty đã có sự phối hợp với chính quyền địa phương là phường Vàng Danh và các khu dân cư, cùng chung tay thực hiện công tác bảo vệ môi trường, hỗ trợ các khu dân cư trên địa bàn phường Vàng Danh trong việc thu gom rác thải sinh hoạt, dọn rửa và vệ sinh các tuyến đường. Báo cáo đánh giá liên quan đến các tiêu chí môi trường, trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty Trong năm 2025, Công ty đã tự chấm điểm, đánh giá tiêu chí môi trường sáng xanh sạch theo hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam với số điểm 98/100 điểm, đạt mức xuất sắc

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương bình quân đối với người lao động:

Lao động sử dụng bình quân năm 2025: 5.788 người/6280 người lao động kế hoạch bằng 92,2%.

- Lao động tại thời điểm 31/12/2025:

Tiêu chí	LĐ danh sách 01/01 2025	LĐ danh sách 31/12 2025	Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
- Lao động tổng số	5.683	5.636	-47 người	
<i>Trđ: Thợ lò (KT, CD lò)</i>	3.407	3.381	-26 người	
- Lao động công nghệ	3.854	3.838	-16 người	
- Lao động phụ trợ, phục vụ	1.247	1.218	-29 người	
- Lao động quản lý	582	580	-02 người	Không tính số đang trưng dụng, thử việc và số đang nghỉ chờ sẽ về hưu trong quý 1/2026

- Mức lương bình quân năm 2025: 21.915.000 đồng/người-th.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi người lao động:

a) Thực hiện công tác y tế doanh nghiệp:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV theo đúng quy định năm một lần (Riêng đối với NLD làm việc trong môi trường nặng nhọc độc hại nguy hiểm năm 2 lần):

- + Khám sức khỏe định kỳ: 10.513 lượt người
- + Khám phát hiện BNN, khám định kỳ bệnh nghề nghiệp: 2.012 người
- + Giám định BNN: Không người
- + Rửa phổi: 39 người.
- + Giám định thương tật TNLD: 29 người.
- Đo, kiểm soát môi trường lao động: 521 mẫu.
- Công tác ATTP: Thường xuyên kiểm tra thực phẩm bằng phương pháp Test nhanh để kiểm tra các chất cấm sử dụng trong thực phẩm, phối hợp giám sát các bữa ăn sau ca tại các bếp ăn tập thể. Trong năm đã test 68 mẫu thực phẩm;
- b) Chế độ đảm bảo sức khỏe, an toàn người lao động:
 - Tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN đối với 100% CBCNV thuộc đối tượng bắt buộc. Số lao động tham gia bảo hiểm bình quân năm 2025 là: 5.619 người;
 - Tổng số tiền Công ty đã nộp cho cơ quan BHXH tỉnh Quảng Ninh là: 207,1 tỷ đồng. Công ty không nợ đọng tiền đóng BHXH. Trong đó: Người sử dụng lao động: 139,15 tỷ đồng; Người lao động đóng: 67,95 tỷ đồng.
 - Giải quyết chế độ hưu trí 42 người; Chấm dứt HĐLĐ 323 người trong đó tuất 09 người, Thoả thuận CDHD 248 người (có 42 người hưởng trợ cấp với số tiền 2 tỷ 046 triệu đồng), đơn phương chấm dứt HĐLĐ 68 người; trợ cấp bảo hiểm thân thể 283 người với số tiền 730,9 triệu đồng; bồi thường và trợ cấp TNLD 32 người với số tiền 2 tỷ 414 triệu đồng trong đó bồi thường TNLD 25 người số tiền 2 tỷ 126 triệu, trợ cấp 07 người số tiền 288,6 triệu đồng). Giải quyết Chế độ tử tuất 09 người;
 - Tiếp tục duy trì Quy định về việc tổ chức thực hiện ăn định lượng đối với NLĐ làm việc trong hầm lò và ăn giữa ca, bồi dưỡng bằng hiện vật đối với cán bộ, công nhân viên lao động trong Công ty theo các nhóm chức danh ngành nghề, Ban hành kèm theo Quyết định số 3129/QĐ-TVD ngày 13/12/2024; theo Thông tư 24: Mức I 13.000 đồng/công; Mức II 20.000 đồng/công, Mức III 26.000 đồng/công; CBCNV làm việc từ cửa lò trở vào được ăn định lượng 65.000 đồng/công.
 - Công ty đã thực hiện trang cấp đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cá nhân đối với từng loại ngành nghề theo quy định của pháp luật. Ban hành quy định trang cấp, quản lý và sử dụng phương tiện BHLĐ theo Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH áp dụng từ ngày 01/4/2023. Với tổng số tiền: 17.635,4 triệu đồng;
 - Trong năm 2025 Công ty đã tặng quà người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn bình quân giá trị 5,7 triệu/người; Tổng số: 33.746.501.406 đồng.
- c) Thực hiện chế độ phúc lợi:
 - Thực hiện Nghị quyết liên tịch số: 2960/NQLT-GD-CD ngày 17/4/2025 của Giám đốc và BCH Công đoàn Công ty Về việc triển khai thực hiện chế độ nghỉ mát, hỗ trợ điều trị đối với người lao động trong Công ty năm 2025. Công ty đã tổ chức nghỉ mát, hỗ trợ điều trị đối với người lao động năm 2025: 600 người bằng 2.760,0 triệu đồng.
 - Trong năm 2025 Công ty đã giải quyết cho 156 CBCNV nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe cho người lao động sau thai sản, ốm đau, TNLD, BNN tại gia đình với số tiền: 757,5 triệu đồng. (trong đó: Nữ 57 người; 20 người bị TNLD; Thợ lò 68 người);

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch số 688/NQLT-GD-CD ngày 5/02/2025 của Giám đốc và BTV Công đoàn Công ty về việc thực hiện chế độ nghỉ mát đối với CBCNV trong Công ty và Kế hoạch liên tịch số 66/KHLT-GD-CDTVD ngày 7/02/2025, Công ty đã tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát như sau:

+ Công ty tổ chức: 1.329 người với tổng số tiền là 13,5 tỷ đồng.

+ Các đơn vị tổ chức: đi theo hình thức 2 ngày (trong đó có 01 ngày nghỉ là Chủ nhật) Số người tham gia: 5.667 người Số tiền đã chi: 22,6 tỷ đồng;

Tổng số lượt người đã tham gia là: 6.955 lượt người với tổng số tiền là 36,2 tỷ đồng đảm bảo an toàn; Trong đó tổ chức cho 78 gia đình thợ lò với 299 người gồm: vợ, các con, bố/mẹ đẻ, bố/mẹ vợ, anh/chị/em ruột nhưng không quá 4 thành viên với thời gian 3 ngày 2 đêm tại phường Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

d) Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

TT	Chỉ tiêu	NĂM 2025 (lượt người)			Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	So sánh	
I	Tổng số	14.629	7.630	52,16	
1	Bồi dưỡng các chuyên đề, kỹ thuật, nghiệp vụ và các chuyên đề khác	13.796	6.884	49,90	
	Bồi dưỡng tại Công ty	6.220	3.669	58,99	
	Bồi dưỡng ngoài Công ty	7.576	3.215	42,44	
2	Đào tạo mới	833	746	89,56	
	Đào tạo CNKT	612	529	86,44	
	Đào tạo ngành khác	221	217	98,19	

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2025 tổng số tiền Công ty chi hỗ trợ, ủng hộ các cơ quan đơn vị ngoài Công ty là: 3.034,9 triệu đồng. Nội dung chi bao gồm:

+ Chi hỗ trợ các đơn vị: 930 triệu đồng

+ Chi hỗ trợ xây nhà ở đối với hộ nghèo, khó khăn: 261,46 triệu đồng.

+ Hỗ trợ các đơn vị, cơ quan xây dựng trường, công trình dân sinh: 873,671 triệu đồng

+ Đóng góp quỹ phòng chống thiên tai: 600,769 triệu đồng

+ Chi ủng hộ các quỹ vì người nghèo, hội người mù, tài năng trẻ địa bàn QN: 274 triệu đồng

+ Chi ủng hộ khác: 95 triệu đồng

III. Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	DVT	Nghị quyết DHCD	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Than nguyên khai	1000 tấn	4.195	4.292	102,3	

-	Than hầm lò	"	3.600	3.777	104,9	
-	Than lộ thiên	"	100	25	25	
-	Than mua của Công ty than Uông Bí	"	495	490	99	
2	Than sạch	1000t	3.666	3.780	103,1	
3	Mét lò mới	mét	41.050	41.052	100	
4	Bóc đất đá	1000 m3	1.675	3,1	0,2	
5	Tiêu thụ	1000 tấn	3.666	3.748	102,2	
6	Đầu tư xây dựng	tỷ.d	390	530	135,7	
7	Doanh thu	tỷ.d	6.686	6.648	99,4	
8	Lợi nhuận trước thuế	tr.d	85.424	97.444	114,1	
9	Lao động bình quân	người	6.280	5.788	92,16	
10	Tiền lương bình quân	ngđ/ng-th	20.430	22.915	112	
11	Cổ tức (dự kiến)	%	≥ 5	5	100	

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

(i) Sự biến động của tài sản:

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC tại Quảng Ninh.

- Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ % tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	2.472.184.635.346	2.563.111.540.640	3,68
2	Doanh thu thuần	đồng	6.473.476.824.880	6.668.850.345.722	3,02
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	119.944.737.557	91.292.736.647	-23,89
4	Lợi nhuận khác	đồng	966.730.560	6.151.106.757	536,28
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	120.911.468.117	97.443.843.404	-19,41
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	95.328.871.179	76.555.782.938	-19,69

7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	8	5	-37,5
---	----------------------------	---	---	---	-------

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

ST T	Chỉ tiêu	DVT	Kỳ báo cáo 2024	Kỳ báo cáo 2025	SS 2025/2024	% tăng, giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:					
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	1,14	1,03	89,97	-10,03
	+ Hệ số thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,98	0,84	85,08	-14,92
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn					
	+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	72,58	74,40	102,50	2,50
	+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	2,59	2,87	110,48	10,48
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
	+ Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng	28,83	29,74	103,13	3,13
	+ Vòng quay tổng tài sản = Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	vòng	2,81	2,65	94,23	-5,77
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
	+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,47	1,15	77,95	-22,05
	+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	14,06	11,67	82,95	-17,05
	+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	4,14	3,04	73,46	-26,54
	+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,85	1,37	73,88	-26,12

Trong năm, Công ty đã thực hiện thu xếp, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Tăng cường công tác quản lý công nợ, đối chiếu thu hồi công nợ kịp thời; Thu nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ kịp thời, đúng luật Thuế và các quy định hiện hành; Hàng tháng phân tích các chỉ tiêu tài chính để quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả nhằm phát hiện sớm các khoản phải thu khó đòi và trích lập dự phòng theo đúng quy định. Xác định các khoản nợ đến hạn trả thu xếp tài chính thanh toán để giảm hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu.

Theo số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025:

+ Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu đạt 2,87 lần/ năm 2024 là 2,59 lần, Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn đạt 1,03 lần/ năm 2024 là 1,14 lần.

Việc huy động vốn của doanh nghiệp sử dụng, đầu tư vào mục đích kinh doanh đã được Tập đoàn phê duyệt. Công ty thực hiện trả nợ gốc và lãi theo đúng cam kết khi huy động vốn.

Công ty đã cân đối điều hành dòng tiền hợp lý, giảm tối đa các khoản nợ phải trả để hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu đạt mức thấp nhất

+ Sau khi thực hiện trích lập các khoản dự phòng theo đúng quy định hiện hành, Công ty có lợi nhuận sau thuế là 76.5 tỷ đồng. Như vậy đã bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

- Tình hình tài sản, phân tích tình hình biến động của tài sản:

STT	Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ 01/01/2025	Số dư cuối kỳ 31/12/2025	Chênh lệch CK-DK	
				Giá trị	%
I	Tài sản ngắn hạn :	1.402.508.003.519	1.225.117.663.054	-177.390.340.465	-12,65
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	33.583.133.626	29.408.176.901	-4.174.956.725	-12,43
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.165.235.032.631	954.936.744.496	210.298.288.135	-18,05
4	Hàng tồn kho	195.486.563.005	228.113.509.564	32.626.946.559	16,69
5	Tài sản ngắn hạn khác	8.203.274.257	12.659.232.093	4.455.957.836	54,32
II	Tài sản dài hạn	1.069.676.631.827	1.337.993.877.586	268.317.245.759	125,08
1	Các khoản phải thu dài hạn	49.412.768.753	65.283.773.987	15.871.005.234	32,12
2	Tài sản cố định (gồm cả CP XDCB dở dang)	823.022.321.825	980.395.369.273	157.373.047.448	19,12
	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	759.085.319.442	924.830.112.246	165.744.792.804	21,83
	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	0	0	0	
	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		0	0	
	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	63.937.002.383	55.565.257.027	-8.371.745.356	-13,09
3	Bất động sản đầu tư	0	0	0	
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	
5	Tài sản dài hạn khác	197.241.541.249	292.314.734.326	95.073.193.077	48,20
III	Tổng cộng tài sản	2.472.184.635.346	2.563.111.540.640	90.926.905.294	3,68

Tổng tài sản thời điểm cuối năm (31/12/2025) tăng 91 tỷ đồng (tương ứng tăng 3,68%) so với tổng tài sản tại thời điểm đầu năm (01/01/2025). Giá trị tài sản của Công ty tăng chủ yếu là do :

+ Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 giảm 177 tỷ so với tài sản ngắn hạn thời điểm 01/01/2025 tương ứng giảm 12,65%. (Nguyên nhân: Tại ngày 31/12/2025 các khoản phải thu ngắn hạn giảm 210 tỷ đồng tương ứng giảm 18% so với các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm đầu năm, do sản lượng tiêu thụ năm 2025 giảm so với kế hoạch đầu năm; Hàng tồn kho thời điểm 31/12/2025 tăng 32 tỷ so với thời điểm 01/01/2025)

+ Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2025 tăng so với tài sản dài hạn tại ngày 01/01/2025 là 268 tỷ đồng làm giá trị tổng tài sản tăng (nguyên nhân: Trong năm Công ty đã hoàn thành tăng tài sản Dự án phục vụ khai thác đảo lò năm 2025 và dự án duy trì sản xuất 2024, tổng khoảng hơn 300 tỷ đồng) .

- Hiệu quả sử dụng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần	đồng	6.473.476.824.880	6.668.850.345.722	195.373.520.842
2	Tài sản ngắn hạn bình quân	đồng	1.279.261.396.445	1.313.812.833.287	34.551.436.842
	<i>Tài sản ngắn hạn đầu kỳ</i>		<i>1.156.014.789.371</i>	<i>1.402.508.003.519</i>	246.493.214.148
	<i>Tài sản ngắn hạn cuối kỳ</i>		<i>1.402.508.003.519</i>	<i>1.225.117.663.054</i>	-
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	95.328.871.179	76.555.782.938	-18.773.088.241
	Mức sinh lời của tài sản ngắn hạn: LNST/TSNH BQ	đồng	0,07	0,06	-0,02
	Số vòng luân chuyển của tài sản ngắn hạn (vòng/năm): DTT/TSNH BQ	đồng	5,06	5,08	0,02

Sức sinh lời của tài sản ngắn hạn năm 2025 đạt 0,06: một đồng tài sản ngắn hạn tham gia vào hoạt động kinh doanh mang lại cho Công ty 0,06 đồng lợi nhuận, giảm không đáng kể (0,02 đồng) so với năm 2024.

Số vòng luân chuyển của tài sản ngắn hạn năm 2025 đạt 5,08 vòng, tăng 0,02 vòng/năm so với năm 2024

Nguyên nhân:

Những tháng cuối năm 2025 tình hình tiêu thụ của Tập đoàn nói chung và Công ty nói riêng giảm mạnh làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Tuy nhiên được sự hỗ trợ giúp đỡ của Tập đoàn, Công ty đã cân đối tài chính hợp lý đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân toàn Công ty, đảm bảo sản xuất kinh doanh có lãi và bảo toàn được vốn của Công ty.

- Nợ phải thu xấu:

Thời điểm 01/01/2025, khoản nợ phải thu xấu của Công ty có tổng số 5,821 tỷ đồng. Đó là khoản phải thu tiền ứng trước vốn mua gỗ trồng rừng đối với Công ty Lâm nghiệp Ưông Bí, với số quá hạn trên 6 tháng là 5,821 tỷ đồng. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đúng quy định hiện hành để khoản nợ xấu không làm ảnh hưởng đến tài chính của Công ty.

Trong năm 2025, khoản nợ phải thu xấu của Công ty giảm 1,073 tỷ đồng so với số đầu năm 2025. Lý do Công ty đã tích cực đôn đốc, thu hồi công nợ bằng nhiều biện pháp để giảm nợ phải thu xấu đối với số tiền ứng trồng rừng đối với Công ty Lâm nghiệp Ưông Bí

Đến thời điểm 31/12/2025 Công ty còn phải thu tiếp 4,748 tỷ đồng công nợ gỗ ứng vốn. Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp thu hồi công nợ tích cực, đảm bảo có hiệu quả trong năm 2026 và các năm tiếp theo

- Tình hình nợ phải trả:

d) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nợ phải trả	Số dư đầu kỳ (01/01/2025)	Số dư cuối kỳ (31/12/2025)	Chênh lệch CK-ĐK	
				Giá trị	%
1	Nợ ngắn hạn	1.227.774.306.586	1.192.037.536.404	-35.736.770.182	-2,91
2	Nợ dài hạn	566.627.273.762	714.906.585.156	148.279.311.394	26,17
	TỔNG CỘNG	1.794.401.580.348	1.906.944.121.560	112.542.541.212	6,27

Tổng nợ phải trả của Công ty cuối năm (31/12/2025) tăng 112 tỷ đồng (tương ứng tăng 6,27%) so với tổng nợ phải trả tại thời điểm đầu năm (01/01/2025). Chỉ tiêu này tăng chủ yếu là do:

† Nợ dài hạn cuối năm so với đầu năm tăng 148 tỷ, nguyên nhân chủ yếu Công ty vay dài hạn phục vụ cho các Dự án duy trì sản xuất năm 2024 và Dự án phục vụ khai thác đảo lò năm 2025.

Công ty mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, định kỳ phân loại các khoản công nợ theo đúng quy định tại Nghị định 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về Quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Thực hiện tái cơ cấu.

Trên cơ sở kết quả thực hiện đề án tái cơ cấu của Công ty đến năm 2025, Công ty tiếp tục bám sát chỉ đạo của Tập đoàn và Chiến lược phát triển Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 ban hành

kèm theo Quyết định số 3803/QĐ-TVD ngày 30/10/2025 của Hội đồng Quản trị công ty để tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả cụ thể:

+ Với quy mô sản lượng khai thác thực hiện 3.8 triệu tấn và đào trên 41.000 mét lò. Công ty tiếp tục duy trì 37 phân xưởng sản xuất, trong đó 16 phân xưởng khai thác, 10 phân xưởng đào lò, 03 phân xưởng vận tải, 02 phân xưởng tuyển, 04 phân xưởng phụ trợ và 02 phân xưởng phục vụ; Số phòng tham mưu quản lý, giám sát tổ chức điều hành các phân xưởng sản xuất gồm 14 phòng, đảm bảo quy định của Tập đoàn

3.1. Hoàn thiện quy chế, quy định quản lý

Căn cứ văn bản pháp luật Nhà nước mới ban hành và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện của TKV các phòng ban rà soát các văn bản đã ban hành, sửa đổi bổ sung, ban hành lại/ban hành mới 224 văn bản gồm: Lĩnh vực cơ điện vận tải 101 quy trình quy định; Lĩnh vực AT-BHLD 14 văn bản; Lĩnh vực lao động tiền lương, chế độ chính sách, đào tạo bồi dưỡng 33 quy định; Lĩnh vực kế toán, thông kê, tài chính 10 văn bản; Lĩnh vực kỹ thuật công nghệ mỏ 20 quy định; Lĩnh vực sàng tuyển tiêu thụ 11 quy định; Lĩnh vực kiểm soát nội bộ và bảo vệ 17 quy định; Lĩnh vực kế hoạch quản trị chi phí 07 văn bản; lĩnh vực đầu tư môi trường 04 văn bản; Công tác văn thư lưu trữ 03 quy định; Lĩnh vực Trắc địa - Địa chất 02 quy định; Quản lý vật tư 02 quy định;

- Các văn bản sau tiên hành sửa đổi, bổ sung ban hành lại phù hợp với thực tế sản xuất, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 giữa Công ty với TKV và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, với địa phương và người lao động.

3.2. Quản trị và sử dụng lao động hiệu quả, cải cách cơ chế tiền lương

- Thường xuyên cân đối nhân lực giữa các đơn vị, tham mưu điều động, luân chuyển 240 lượt người;

- Tuyển dụng 344 người bằng 44,91% so với kế hoạch (766 người) và bằng 82,7% so với năm 2024, đối tượng tuyển như sau :

TT	Nghề tuyển	KH năm 2025	TH năm 2025	Trong đó					TH so với KH (%)
				Chi tiêu	Nơi khác đến	Tiếp nhận lại	Tuyển mới	Đi NVQS về	
	Cộng	766	344	206	48	54	19	17	44,91
1	Khai thác	505	185	119	18	38	4	6	36,63
2	Cơ điện hầm lò	200	120	86	8	14	2	10	60,00
3	Khác	61	39	1	22	2	13	1	63,93

- Lao động tuyển dụng mới đảm bảo tiêu chuẩn đào tạo của TKV; tuy nhiên đa số lao động nghề khai thác chưa tốt nghiệp Trung học cơ sở (biết đọc, biết viết) ngày càng nhiều khó khăn cho việc đào tạo, làm chủ thiết bị hiện đại ... cần phải có thời gian để kèm cặp, hướng dẫn. Lao động tuyển mới được bố trí công việc từ dễ đến khó, thạo việc giản đơn mới tiếp cận việc khó dưới sự kèm cặp của thợ cũ hoặc thợ lành nghề. Chất lượng tuyển dụng năm 2025 như sau:

TT	Nghề	Tổng số	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
	Tổng số	344	25	8	148	163
1	Khai thác	185	7	2	24	152
2	Cơ điện hầm lò	120	3	2	113	2
3	Khác	39	15	4	11	9

- Tổng số lao động toàn Công ty thời điểm 31/12/2025 giảm 47 người so với lao động thời điểm 01/01/2025; tỷ trọng lao động các khu vực sản xuất sát với Mô hình mẫu của TKV:

Tiêu chí	01/01 2025	31/12 2025	Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
- Lao động tổng số	5.683	5.636	-47 người	
<i>Trđ: Thợ lò (KT, CD lò)</i>	<i>3.407</i>	<i>3.381</i>	<i>-26 người</i>	
- Lao động công nghệ	3.854	3.838	-16 người	
- Lao động phụ trợ, phục vụ	1.247	1.218	-29 người	
- Lao động quản lý	582	580	-02 người	Không tính số đang trung dụng, thử việc và số đang nghỉ chờ sẽ về hưu trong quý 1/2026

- Năng suất lao động tính theo sản lượng tiêu thụ quy đổi 873,2 tấn/người-năm so với kế hoạch điều chỉnh (850,4 tấn/người-năm) bằng 102,7%; Tỷ lệ huy động lao động toàn công ty 91,4%; tỷ lệ huy động công nhân khai thác khối khai thác, đào lò đạt 86,91% có 20 phân xưởng khai thác, đào lò huy động đạt trên 85% đến 91% chỉ có 6 phân xưởng dưới; ngày công tham gia sản xuất bình quân toàn Công ty đạt 22,34 công/người-tháng.

- Bố trí đủ việc làm theo năng lực sở trường đối với cán bộ công nhân viên, trong toàn công ty; lương trả người lao động sát với mức quy định tại Quyết định 1471/QĐ-TKV của Tập đoàn;

- Lương chế độ, khuyến khích bổ sung lương vào dịp lễ tết chi trả đúng thời gian theo Hợp đồng lao động, kế hoạch; thường xuyên cập nhật sổ lũy kế, theo dõi nghỉ phép, nghỉ không hưởng lương để chấn chỉnh, đôn đốc các đơn vị quản lý lao động, bố trí nghỉ phép theo đúng kế hoạch;

- Quản lý và sử dụng hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quỹ tiền lương, các nội dung chi đảm bảo đúng quy chế, quy định của Công ty phù hợp thực tế sản xuất của đơn vị; không bội chi quỹ lương có dư để trích lập dự phòng cho năm sau.

3.3. Phát triển, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Tăng cường công tác tuyển sinh gửi đi đào tạo nghề mỏ hầm lò, kết hợp với tuyển mới, tuyển lại, tái tuyển người lao động có nghề và sức khỏe phù hợp để bổ sung lao động nghỉ chế độ, chấm dứt hợp đồng để có đủ nhân lực tổ chức sản xuất. Đồng thời, chủ động mở các lớp đào tạo liên thông, kèm cập truyền nghề cho đội ngũ công nhân mới, chuẩn bị đủ cơ cấu tay nghề, bậc thợ công nhân kỹ thuật các ngành nghề chính thực hiện kế hoạch sản xuất và phát triển các dự án mới theo quy hoạch phát triển Công ty theo định hướng của TKV, kết quả:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh gửi đào tạo công nhân kỹ thuật 318/400 bằng 79,5% kế hoạch; tiếp nhận 100% học sinh đã tốt nghiệp về thực tập sản xuất tại Công ty theo hợp đồng đào tạo và được hưởng lương theo quy chế trả lương Công ty (mức thấp nhất không dưới 85% so với công nhân cùng làm việc);

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng chuyên đề kỹ thuật, nghiệp vụ 5.946 lượt người; nâng bậc lương công nhân kỹ thuật 933 lượt người;

- Tổ chức kèm cặp nghề 686 người; đào tạo nhân viên mới, kèm cặp cán bộ quy hoạch nâng cao trình độ, quản lý thực hiện đúng các quy định hiện hành;

- Tiếp tục chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, ăn, ở, sinh hoạt, di lại của NLD; đặc biệt quan tâm công nhân là dân tộc thiểu số, thích ứng dần tác phong công nghiệp, hòa đồng cùng dân tộc khác đang làm việc tại công ty, ổn định tư tưởng gắn bó lâu dài với Công ty.

- Trình độ cán bộ công nhân viên không ngừng được nâng cao cả về trình độ và tay nghề: Trên đại học có 49 người, Đại học có 1.131 người, Cao đẳng có 235 người, Cao đẳng nghề có 73 người, Trung cấp có 306 người, Trung cấp nghề có 1.698 người, Sơ cấp nghề và chứng chỉ nghề có 2.144 người.

3.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động

3.4.1. Công tác kỹ thuật khai thác

a) Tập trung làm tốt công tác lập kế hoạch, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án phát triển mỏ, để duy trì ổn định sản xuất và phát triển mỏ bền vững. Phối hợp với đơn vị tư vấn tập trung rà soát các nội dung của báo cáo khả thi - Dự án xuống sâu dưới mức -175 trình TKV; hoàn thiện trình TKV thông qua phương án khai thác duy trì tầng lò Giếng mức +105/+0 và tầng +0/-175 khu Trung tâm Vàng Danh.

b) Trên cơ sở thiết kế kỹ thuật (thiết kế cơ sở) của 05 dự án được cấp phép khai thác, dưới sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty đã nghiên cứu, rà soát chuyển đổi, thay thế tối đa công nghệ khai thác buồng thượng và buồng thượng chéo sang áp dụng các công nghệ hiện có như: công nghệ khâu than chống giữ bằng giá thủy lực di động dạng khung, công nghệ khâu than chống giữ bằng giàn mềm ZRY, công nghệ khai thác chia lớp ngang nghiêng, công nghệ khai thác lò dọc via phân tầng.... Kết quả trong năm 2025 Công ty đã loại bỏ Công nghệ khâu buồng lò thượng và chuyển đổi gần 350.000 tấn than sang áp dụng khâu công nghệ dọc via phân tầng.

c) Về công nghệ:

- Công nghệ khai thác: Dây chuyền CGH đồng bộ khâu tại lò chợ I-7-7 Giếng Vàng Danh +0/-175 khâu ổn định, sản lượng vượt công suất thiết kế, dự kiến sản lượng đạt 688.791 tấn/KH 450.000 tấn bằng 153,1%. Công nghệ khâu lò chợ xiên chéo hoạt động ổn định, trong năm đã đưa tiếp 01 lò chợ ZRY vào sản xuất ổn định (có 01 lò chợ đạt sản lượng 235.905 tấn, vượt 125.905 tấn so với công suất thiết kế). Công nghệ khâu chống bằng lò chợ ZH, Công ty thường xuyên duy trì 11-12 lò chợ ZH, trong đó có 1 đơn vị khâu lò chợ giá khung với sản lượng cao đạt công suất trên 219.308 tấn/năm vượt 19.308 tấn so với mục tiêu đăng ký năng suất kỹ lục Tập đoàn;

- Phối hợp hoàn thiện nghiên cứu khả năng áp dụng máy khâu than cho lò chợ ZRY tại mỏ than Vàng Danh trình TKV thông qua và đôn đốc các phòng triển khai các thủ tục để đặt mua máy khâu về phục vụ sản xuất;

- Nghiên cứu, đầu tư và đưa vào áp dụng giá khung bản xà hẹp để chống giữ các vị trí ngất khung treo (hiện đang lắp tại 06 lò chợ), tiếp tục phát huy hiệu quả của giá khung quá độ cho công tác chống giữ khám đầu, khám chân lò chợ để nâng cao mức độ an toàn, tăng năng suất lao động.

- Công nghệ đào lò: Đã rà soát, áp dụng tối đa cơ giới hóa đào lò bằng máy đào lò EBH-45; dây chuyền bán CGH đào lò sử dụng xe khoan I cần CMJ1-14 kết hợp xúc bốc bằng máy xúc ZCY-60; đưa hệ thống giàn chống tạm di động kết hợp cùng máy đào lò EBH-45 vào áp dụng nhằm nâng cao mức độ an toàn và tốc độ đào lò; Duy trì các thiết bị xúc bốc vận tải hiện có như máy xúc lật hông, máy xúc gầu ngược tại các đường lò vận tải đường sắt.

3.4.2. Công tác cơ điện vận tải

3.4.2.1. Công tác chuyển đổi số

- Công ty Idas về làm Dự thảo đề án CDS giai đoạn 2025-2027, định hướng đến năm 2030 của Công ty cùng với Ban CV-TKV cùng lãnh đạo và các phòng trong Công ty và thống nhất Dự thảo đề án CDS giai đoạn 2025-2027, định hướng đến năm 2030.

- Ngày 26/8/2025 làm việc với Công ty Cổ phần Tin học, CN Môi trường Vinacomin triển khai xây dựng Hệ thống kho dữ liệu tập trung và báo cáo thông minh (BI) tại Công ty.

- Ban hành: Kế hoạch số 385/KH-TVD-CV V/v triển khai tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý điều hành sản xuất của Công ty; Kế hoạch số 2241/KH-TVD V/v đổi mới và ứng dụng giải pháp phát triển kỹ thuật công nghệ trong khai thác, chế biến than giai đoạn 2026 -2030; xây dựng và hoàn thiện hồ sơ cấp độ 2 và 3 cho 02 hệ thống thông tin của Công ty;

3.4.2.2. Công tác cơ giới hóa, tự động hóa

- Công tác CGH, duy trì lò chợ CGH đồng bộ hoạt động ổn định; 04 máy đào lò EBH 45 đảm bảo hoạt động ổn định; 01 hệ thống xe khoan 1 cần CMJ14 kết hợp máy xúc lật hông để đào lò đá; 17 bộ monoray; 26 bộ tời kéo thuyền trượt.

- Công tác TĐH, duy trì các hệ thống Tự động hóa/điều khiển tập trung các tuyến vận tải chính, các trạm quạt gió chính, các trạm trung gian 35/6 kV; 05 hệ thống TĐH/điều khiển tập trung các tuyến vận tải chân lò chợ hoạt động ổn định, đảm bảo yêu cầu; đưa hệ thống TĐH/điều khiển tập trung các quạt gió cục bộ mức +105 và +0 khu III-IV GVD vào hoạt động.

- Công tác lắp đặt băng tải, lắp đặt thiết bị mới: Băng tải B650 = 20/16 bộ; băng B800 = 02 bộ; tàu điện ắc quy Lithium = 02 cái; Hệ thống monoray ắc quy Lithium lắp đặt 05 bộ; tổng số đang vận hành 17 bộ.

- Lắp đặt thiết bị đầu tư mới: Máng cào Skat-80 = 10 bộ; Xe goòng 3T = 100 cái; Máy xúc đá XD -0.32 = 02 cái; Tàu điện dùng pin lithium = 02 cái; Máy đào lò EBH45 = 01 bộ; Quạt gió phòng nổ 11 kW = 15 cái; Quạt gió phòng nổ 22 kW = 10 cái; Quạt gió phòng nổ 2x18,5kW = 05 cái; Quạt gió phòng nổ 2x30 kW = 10 cái; Bơm chìm phòng nổ BQS280-280/6-280/B = 02 cái; Trạm bơm nhũ hóa = 08 trạm; Máy nén khí trung tâm = 01 cái; Máy phát điện 2500 kVA = 01 cái.

- Tiếp tục duy trì, sử dụng các dây chuyền thiết bị cơ giới hóa (CGH) đồng bộ khai thác than lò chợ hiện có nhằm đảm bảo phát huy tối đa năng lực thiết bị, triển khai hiệu quả dự án đầu tư duy trì;

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ CGH đồng bộ đào lò than sử dụng có hiệu quả 04 máy EBH-45 hiện có, dây chuyền bán CGH đào lò đá (xe khoan CMJ1-14 + máy xúc) tại Công ty; đưa máy xúc vào thi công các gương lò mức trung gian để đẩy nhanh công đoạn bóc xúc, vận chuyển than đá đào lò nhằm tăng năng suất, tốc độ đào lò, kịp thời chuẩn bị diện sản xuất theo kế hoạch.

- Hoàn thành các hạng mục tự động hóa, đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện các hạng mục tự động hóa; hoàn thiện các hệ thống TĐH trạm bơm nước trung tâm hầm lò; hoàn thiện và đưa vào áp dụng phần mềm quản lý thiết bị cơ điện.

- Duy trì hoạt động các hệ thống tự động hóa/điều khiển tập trung hiện có trong Công ty;

- Không để xảy ra sự cố nghiêm trọng liên quan đến thiết bị cơ điện vận tải;

- Giảm suất tiêu hao điện năng $\geq 3,0\%$ (so với kế hoạch điện năng Tập đoàn giao 29,82 kWh/Tấn TNK);

- Chỉ đạo lắp đặt các tuyến dây chuyền thiết bị theo đúng kế hoạch Công nghệ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021+2030, tầm nhìn đến năm 2050, Công ty xây dựng phương án phát triển Công ty theo định hướng phát triển là mô hình có quy mô, sản lượng trong TKV, xây dựng mô hình theo tiêu chí "Mô hình xanh - Mô hình hiện đại - Mô hình sản lượng cao". Cụ thể như sau:

- Đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị thực hiện đầu tư dự án xuống sâu dưới -175 Giếng Vàng Danh để Quý 2 năm 2026 khởi công thực hiện dự án; Triển khai thực hiện đề án khoan thăm dò khu trung tâm Vàng Danh để nâng cấp trữ lượng làm cơ sở để triển khai dự án khai thác hầm lò.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai đề án chuyển đổi số giai đoạn 2026 đến 2030.

- Tiếp tục nghiên cứu và đầu tư các thiết bị đào lò, khai thác tiên tiến, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, TDH, THH, cơ giới hoá để nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc đã thực hiện, triển khai kịp thời có hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị và của Đại hội đồng cổ đông; thường xuyên báo cáo, trao đổi, xin ý kiến Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh.

Đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh tháng, quý. Triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

Để giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty, hàng tháng hội đồng quản trị Công ty có cơ chế họp giao ban định kỳ với Ban Lãnh đạo điều hành để nắm tình hình SXKD và tháo gỡ các khó khăn (nếu có) trong công tác điều hành của Ban Lãnh đạo trong thẩm quyền của HĐQT Công ty, hoặc đề xuất tháo gỡ với cấp có thẩm quyền trong trường hợp vượt thẩm quyền của HĐQT. Mặt khác, khi các quy định của pháp luật có sửa đổi, Ban Giám đốc đã báo cáo HĐQT đã kịp thời ban hành các quy chế, quy định quản lý điều hành Công ty phù hợp theo các quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện những thiếu sót để khắc phục tạo đà cho việc phát triển bền vững của Công ty, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, của đối tác và của người lao động.

Việc giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Giám đốc Công ty gửi các thành viên HĐQT hàng tháng, hàng quý.

a) Kết quả giám sát đối với Giám đốc:

Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của HĐQT, Giám đốc công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản - an toàn lao động.

b) Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý:

Các cán bộ quản lý của công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và giao Giám đốc công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban phân xướng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện thoái thác nhiệm vụ, đã tham

muu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả. Trong năm qua các cán bộ quản lý đã được Hội đồng quản trị công ty đánh giá là hoàn thành, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

***Tóm lại:** Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình; Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời giúp cho quản lý, chỉ đạo điều hành SXKD công ty trong nhiệm kỳ đạt kết quả.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Tập trung, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Đầu tư xây dựng theo kế hoạch DTXD năm 2026.

Tập trung đầu tư và chỉ đạo kiên quyết giữ vững an toàn trong sản xuất;

Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tái cấu trúc theo chủ trương của TKV, đồng thời phải xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.

Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật... Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm.

Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực.

V. Quản trị Công ty

1. Cơ cấu HĐQT

Số lượng thành viên HĐQT gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | - Chủ tịch HĐQT – Người đại diện phần vốn của TKV (bổ nhiệm ngày 03/3/2025). |
| - Ông Nguyễn Trọng Tốt | - Chủ tịch HĐQT – Người đại diện phần vốn của TKV (miễn nhiệm ngày 20/02/2025). |
| - Ông Phạm Văn Minh | - TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 20/02/2025). |
| - Ông Hồ Quốc | - TV HĐQT – Giám đốc công ty; |
| - Ông Trần Văn Thức | - TV HĐQT, Phó giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 29/4/2025); |
| - Ông Trịnh Văn An | - TV HĐQT, Chủ tịch CĐ Công ty; |
| - Ông Nguyễn Bá Quang | - TV độc lập HĐQT |

Trong 05 thành viên HĐQT nêu trên có 02 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành; 02 thành viên HĐQT không điều hành và 01 thành viên HĐQT độc lập, đảm bảo cơ cấu theo quy định của pháp luật.

Để HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, ngày 07/3/2025 HĐQT đã ban hành Quyết định số 584/QĐ-TVD để ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty đồng thời phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên.

❖ **NGUYỄN TRỌNG TỐT - CHỦ TỊCH HĐQT**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	12/06/1965
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số căn cước công dân:	034065002627 cấp ngày 23/5/2016 của Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 1, khu IA, Phường Cao Thắng, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ hầm lò
- Quá trình công tác:	
	Tháng 11/1988-9/1989: Công nhân khai thác mỏ hầm lò, Công ty than Mông Dương - Cẩm Phá, Quảng Ninh;
	Tháng 10/1989-3/2004: Cán bộ kỹ thuật mỏ, Công ty than Mông Dương - Cẩm Phá, Quảng Ninh;
	Tháng 4/2004 -9/2013: Phó giám đốc, Công ty than Mông Dương - Cẩm Phá, Quảng Ninh (sau đổi là Công ty cổ phần than Mông Dương);
	Tháng 10/2013-7/2015: Trưởng ban Kỹ thuật Công nghệ mỏ (KCM), Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam;
	Tháng 8/2015 -3/2017 : Giám đốc, Công ty cổ phần than Mông Dương - Cẩm Phá, Quảng Ninh;
	Tháng 4/2017 - 4/2018 : Trưởng ban Khoa học, Công nghệ thông tin và Chiến lược phát triển (KCL), Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam;
	Từ tháng 24/04/2018 đến nay: Trưởng ban, thành viên Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, người tham gia quản lý phần vốn của TKV tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin giữ chức thành viên độc lập HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	0%

❖ **ÔNG: TRỊNH VĂN AN - THÀNH VIÊN HĐQT**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	20/06/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số CCCD:	037073002614 Cấp ngày 15/11/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;
- Dân tộc:	Kinh

- Địa chỉ thường trú:	Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 08/1996 - 02/1997	Công nhân PX. K1, Mỏ than Vàng Danh
✓ 03/1997 - 09/1999	Nhân viên P.KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
✓ 11/2002 - 02/2006	Nhân viên P. Xây dựng, Công ty XM Thăng Long
✓ 03/2006 - 02/2007	Nhân viên P.KT-KT, Công ty than Vàng Danh
✓ 03/2007 - 04/2007	Phó phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
✓ 05/2007 - 12/2009	Quản đốc PX.KT11, Công ty C.P than Vàng Danh
✓ 01/2010 - 24/8/2011	Quản đốc PX.KT13, Công ty C.P than Vàng Danh
✓ 25/8/2011 – 01/12/2011	Trợ lý Giám đốc Công ty C.P Than Vàng Danh
✓ 02/12/2011 - 4/2018	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
✓ Từ 21/ 4/2018 - 30/11/2021	TV HĐQT, Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
✓ Từ 1/12/2021 đến nay	TV HĐQT chuyên trách
✓ Từ 28/4/2023	TV HĐQT
Số cổ phần nắm giữ	478 cổ phần

❖ **ÔNG: NGUYỄN BÁ QUANG - THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	20/04/1960
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	034060005016, cấp ngày 14/8/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Dân tộc:	Kinh

- Địa chỉ thường trú:	Tổ 5, khu 1- Phường Yên Thanh-TP Uông Bí- Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	
✓ 02/1979 - 01/1984	Nhân viên tài vụ Trung đoàn 767, sư đoàn 395 Đặc khu Quảng Ninh
✓ 02/1984 - 04/1985	Nhân viên kế toán XN Cảng đường sông, Cục đường sông
✓ 5/1985 - 04/1989	Nhân viên kế toán Xí nghiệp đường sắt Uông Bí
✓ 05/1989 - 9/2007	Phó phòng Kế toán Công ty Than Vàng Danh
✓ 09/2007 - 11/2017	Kế toán trưởng Công ty Kho vận Đá bạc
✓ 11/2017 - 4/2020	Phó Bí thư đảng bộ Công ty Kho vận Đá bạc
✓ 5/2020 - 4/2023	Nghỉ hưu
✓ Từ 28/4/2023	TV độc lập HĐQT Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	249.000 cổ phần

❖ **ÔNG: PHẠM VĂN MINH - TV HĐQT**

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	19/12/1963
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số Giấy chứng thực cá nhân:	031063003344 Cấp ngày 24/03/2017; Nơi cấp: Cục cảnh sát DLQL
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 4, Khu Vĩnh Phú, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ khai thác mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 05/2010 – 09/2014	Phó Giám đốc Công ty Than Mạo Khê - TKV
✓ 09/2014 – 07/2018	Giám đốc Công ty Than Mạo Khê - TKV
✓ Từ 01/08/2018- 15/9/2024	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng

	Danh
✓ Từ 16/9/2024- 20/02/2025	Thành viên HĐQT

- ❖ **TRẦN VĂN THỨC - TV HĐQT (thành viên điều hành) - như trình bày ở trên**
- ❖ **HỒ QUỐC - TV HĐQT (thành viên điều hành)) - như trình bày ở trên**
- ❖ **NGUYỄN VĂN DŨNG-CHỦ TỊCH HĐQT-Như trình bày ở trên**

b) Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện 31 lần tổ chức họp, ban hành 45 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác cán bộ và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Các kỳ họp Hội đồng quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, nội dung kết quả các cuộc họp như sau:

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số: 01/TVD-HĐQT	07/01/2025	<p>1. Xem xét triển khai thực hiện công tác thay đổi nhân sự Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty:</p> <p>1.1. HĐQT thông qua bản giao nhiệm vụ Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty từ ông Nguyễn Trọng Tốt - Chủ tịch HĐQT, bản giao cho ông Nguyễn Văn Dũng – Quyền Giám đốc Công ty. Thời gian kể từ ngày 01/01/2025;</p> <p>1.2. HĐQT thực hiện xây dựng Phương án kiện toàn nhân sự HĐQT xem xét thông qua trong kỳ họp sau để triển khai lựa chọn nhân sự để trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 bầu bổ sung nhân sự HĐQT.</p> <p>Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo QĐ phân công nhiệm vụ đã ban hành (Quyết định số 1780QĐ-TVD ngày 17/9/2024) cho đến khi HĐQT kiện toàn được nhân sự tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2025;</p> <p>1.3. Ông Nguyễn Văn Dũng - Người đại diện phần vốn TKV tại Công ty- Quyền Giám đốc Công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Người ĐDPV của TKV theo Quy chế quản lý Người đại diện.</p> <p>2. Xem xét thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định thi hành kỷ luật cán bộ:</p> <p>Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định thi hành kỷ luật đối với ông Lê Trung Kiên-Chức vụ: Quản đốc phân xưởng KT15.</p> <p>a) Mức độ phạm lỗi: Không chấp hành mệnh lệnh sản xuất của Giám đốc Công ty, không trung thực trong công việc.</p> <p>b) Hình thức kỷ luật: Khiển trách (Theo điểm q, khoản 5 -</p>

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>Điều 49- Nội quy lao động Công ty)</p> <p>3. Xem xét thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát tài chính và việc chấp hành pháp luật, tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu năm 2025; Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025.</p>
2	Số: 02/TVD-HDQT	20/01/2025	<p>1. Xem xét thông qua phương án kiện toàn nhân sự HDQT:</p> <p>1.1. HDQT Công ty thông qua việc từ nhiệm Chủ tịch HDQT và thôi tham gia HDQT của ông Nguyễn Trọng Tốt để trình DHCD. Việc từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HDQT sẽ có hiệu lực khi Đại hội cổ đông ban hành Nghị quyết thông qua việc thôi tham gia HDQT đối với ông Nguyễn Trọng Tốt.</p> <p>1.2. HDQT thống nhất thông qua Phương án kiện toàn nhân sự thành viên HDQT Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin để bầu bổ sung thành viên HDQT tại DHCD.</p> <p>1.3. HDQT Công ty ủy quyền cho Chủ tịch HDQT ký ban hành phương án, Giám đốc Công ty chỉ đạo công bố thông tin theo quy định.</p> <p>1.4. Đối với công tác cán bộ lãnh đạo: Công ty cần xây dựng Phương án đề báo cáo cấp có thẩm quyền và triển khai thực hiện để đảm bảo kịp thời kiện toàn, đáp ứng công tác quản lý và điều hành ổn định mọi hoạt động SXKD của Công ty.</p> <p>2. HDQT thống nhất thông qua chương trình Đại hội và các tài liệu báo cáo Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.</p> <p>3. Thông qua Phương án bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc Phân xưởng K7.</p>
3	Số: 03/TVD-HDQT	07/02/2025	<p>1. Thông qua thông qua quyết định thi hành kỷ luật cán bộ:</p> <p>a) HDQT Quyết định thi hành kỷ luật lao động bằng hình thức Khiển trách đối với ông Phạm Thế Hưng – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin, thời gian có hiệu lực từ 24/12/2024.</p> <p>b) Nhắc nhở bằng văn bản và yêu cầu ông Vương Minh Thu – Phó giám đốc Công ty, ông Hồ Quốc – Phó giám đốc Công ty, ông Trần Văn Thúc – Phó Giám đốc Công ty rút kinh nghiệm trong công tác.</p> <p>2. Thông qua phê duyệt bổ sung kế hoạch thuê ngoài một số công đoạn sản xuất năm 2025:</p> <p>a) HDQT Công ty chưa thông qua bổ sung kế hoạch thuê ngoài một số công đoạn sản xuất năm 2025, Công ty cần đổi (nếu cần thực hiện) trong khối lượng thuê ngoài đã</p>

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			được phê duyệt. Trường hợp vượt khối lượng đã được TKV thông qua thì chuẩn bị hồ sơ, hiện trường, có văn bản báo cáo để các Ban TKV kiểm tra, xác nhận và đề nghị đưa vào báo cáo hàng kỳ để TKV bổ sung khối lượng và kinh phí thực hiện;.
			b) Giám đốc Công ty cho rà soát, lập phương án, giải pháp tổng thể thoát nước và chống ngập cho sản xuất hầm bao gồm về hệ thống bơm thoát nước, cung cấp điện, rà soát địa hình và các nguồn nước mặt từ bên ngoài chảy vào hầm lò; sửa chữa và xây mới các công trình chống ngập khi xảy ra sự cố... Căn đối để ưu tiên thực hiện các công việc cần thiết, đáp ứng yêu cầu thoát nước và chống ngập khu vực hầm lò trong năm 2025 và các năm sau.
4	Số: 04/TVD-HDQT	07/02/2025	Thông qua Phương án nhân sự và thống nhất chủ trương bổ nhiệm 01 Giám đốc Công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ, làm cơ sở để Công ty trình TKV xin chủ trương về công tác cán bộ.
5	Số: 05/TVD-HDQT	17/02/2025	1. HDQT thông qua danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung HDQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028. 2. Thông qua chương trình Đại hội và các tài liệu báo cáo Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025. 3. Thông qua Chủ trương để Giám đốc Công ty triển khai xây dựng đề án chuyển đổi số Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin.
6	Số: 06/TVD-HDQT	21/02/2025	1. HDQT thông qua Phương án triển khai quy trình xem xét bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin. 2. HDQT thông qua kết quả thực hiện quy trình và thống nhất đề nghị xem xét bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin.
7	Số: 07/TVD-HDQT	03/3/2025	HDQT quyết định cho thôi Quyền Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đối với ông Nguyễn Văn Dũng, kể từ ngày 03 tháng 03 năm 2025.
8	08/TVD-HDQT	03/3/2025	Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin thống nhất bầu ông Nguyễn Văn Dũng - Thành viên HDQT Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin giữ chức Chủ tịch HDQT Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin, nhiệm kỳ 2023-2028.
9	09/TVD-HDQT	03/3/2025	Bổ nhiệm ông Hồ Quốc, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin.
10	10/TVD-HDQT	07/3/2025	1. HDQT thông qua Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị.

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>2. HĐQT thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty.</p> <p>3. Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian, địa điểm: dự kiến ngày 29/4/2025, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin, số 969 đường Bạch Đằng, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. - Thông qua thời điểm chốt danh sách cổ đông hưởng quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Thời gian dự kiến: ngày 31/3/2025. <p>4. Thông qua dự kiến kết quả SXKD quý 1, Kế hoạch SXKD quý 2.</p> <p>5. Hội đồng quản trị Công ty triển khai một số văn bản quản lý của TKV.</p> <p>6. HĐQT chỉ đạo về công tác xử lý các văn bản quản lý của Công ty.</p>
11	11/TVD-HĐQT	11/3/2024	<p>1. Thông qua phương án đề xuất bổ nhiệm lại cán bộ hết nhiệm kỳ giữ chức vụ để báo cáo TKV xem xét: Đề nghị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam xem xét cho chủ trương bổ nhiệm lại nhiệm kỳ thứ 3 chức vụ Phó giám đốc Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đối với ông Vương Minh Thu, theo quy định tại Tiết a Khoản 2 Điều 20 Quy chế Quản lý cán bộ của TKV.</p>
12	12/TVD-HĐQT	11/3/2025	<p>Thông qua phương án và chủ trương bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ</p>
13	13/TVD-HĐQT	11/3/2025	<p>1. Quyết định xếp lương đối với cán bộ quản lý Công ty, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Nguyễn Văn Dũng - Số danh bạ: 11264; - Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty; - Bậc lương đang hưởng: 2/2; mức lương: 17.722.000 đồng; Bảng lương: TKV 08.4 (thang lương áp dụng đối với Phó Giám đốc Công ty). - Bậc lương mới: 1/2; mức lương 19.739.000 đồng; bảng lương 08.1 (thang lương áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT Công ty). - Thời gian xếp bậc lương mới: Từ 04/3/2025. <p>2. Thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại cán bộ để Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng K7 đối với ông Nhữ Đức Thảo – Quản đốc phân xưởng K7</p>

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
14	14/TVĐ-HĐQT	26/3/2024	<p>1. Phê duyệt đề cương, dự toán và kế hoạch LCNT lập đề án thăm dò khu Trung tâm Vàng Danh.</p> <p>2. Phê duyệt đề cương khảo sát và KHLCNT: Khảo sát địa chất các công trình xây dựng mặt bằng SCN +105 thuộc Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175, mỏ than Vàng Danh.</p> <p>3. Phê duyệt Đề cương, dự toán và KHLCNT: Điều tra, khảo sát, đo đạc hiện trạng rừng và đất rừng thuộc dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh.</p> <p>4. Thông qua nội dung dự án đầu tư thiết bị duy trì lò chợ cơ giới hoá thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025.</p> <p>5. Thông qua nội dung dự án đầu tư thiết bị phục vụ khai thác đào lò năm 2025 thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025.</p> <p>6. Phê duyệt điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2025 như sau: Điều chỉnh chuyển bước từ kế hoạch chuẩn bị dự án lên kế hoạch chính thức (dự án khởi công mới) đối với dự án đầu tư thiết bị cơ giới hoá lò chợ giàn mềm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng 2025: 2.631 triệu đồng. - Điều chỉnh kế hoạch giải ngân vốn đầu tư: 2.631 triệu đồng. <p>7. HĐQT chưa thống nhất thông qua đề Người đại diện phần vốn báo cáo TKV thông qua chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 của Công ty đối với dự án đầu tư hệ thống bơm hút bùn hầm lò.</p> <p>8. HĐQT tạm thông qua Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty năm 2025.</p> <p>Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm báo cáo và thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về phân phối lợi nhuận năm 2024 và trích lập các quỹ.</p> <p>9. HĐQT đồng ý chủ trương đề Giám đốc Công ty thực hiện hỗ trợ kinh phí mang tính chất phúc lợi đối với người lao động, các tổ chức đoàn thể trong Công ty năm 2025</p>
15	15/TVĐ-HĐQT	26/3/2025	<p>1. Thông qua danh sách quy hoạch cán bộ các đơn vị trong Công ty giai đoạn 2025-2030 sau rà soát bổ sung năm 2025</p> <p>2. Thông qua Phương án bổ nhiệm lại cán bộ các đơn vị.</p> <p>3. Thông qua phương án điều động, luân chuyển cán bộ, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều động giữ chức vụ Trưởng phòng, phòng Kiểm soát

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>nội bộ và Bảo vệ đối với ông Dương Thanh Hùng – Trưởng phòng, Văn phòng.</p> <p>- Điều động giữ chức vụ Trưởng phòng, đơn vị Văn phòng đối với ông Nguyễn Thanh Tùng – Trưởng phòng, phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ.</p>
16	16/TVD-HĐQT	08/4/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua nội dung dự án đầu tư dự án đầu tư bổ sung thiết bị phục vụ công tác thông gió và quản lý kiểm soát khí mỏ. 2. Thông qua nội dung dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2025 thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025. 3. Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2024. 4. Tạm thông qua kế hoạch lao động tiền lương, quỹ tiền lương người quản lý, thủ lao của các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2025. 5. Thông qua kế hoạch huy động vốn, định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và một số chỉ tiêu tài chính năm 2025. 6. Thông qua chương trình Đại hội và các tài liệu báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
17	17/TVD-HĐQT	24/4/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua chuyển bước kế hoạch đầu tư dự án đầu tư hệ thống nạo vét bùn hầm lò, Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin. 2. Thống nhất đề Người đại diện phần vốn báo cáo TKV thông qua chủ trương đầu tư, quy mô dự án và bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2025, dự án nhà ở công nhân – Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin. 3. Thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại cán bộ đề Giám đốc Công ty quyết định: <ol style="list-style-type: none"> a) Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng KT9 đối với ông Hoàng Tiến Nam. b) Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng TG đối với ông Vũ Đăng Chuyên. 4. Thông qua danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028, như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 01 người; - Nhân sự cụ thể: Ông Trần Văn Thức- Phó giám đốc Công ty cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin. 5. Thông qua chương trình Đại hội và các tài liệu báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
18	18/TVD-HĐQT	25/4/2025	Thông qua Phương án triển khai quy trình xem xét bổ

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin
19	19/TVD-HDQT	25/4/2025	Thông qua kết quả thực hiện quy trình và thống nhất đề nghị xem xét bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin
20	20/TVD-HDQT	16/5/2025	<p>1. Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý An toàn, vệ sinh lao động trong Công ty cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin.</p> <p>2. Thông qua phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động pháp chế Công ty cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin.</p> <p>3. Thông qua phê duyệt Quy chế Quản lý đất đai trong Công ty cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin.</p> <p>4. Thông qua nội dung dự án đầu tư cải tạo hệ thống thông gió Giếng Vàng Danh thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025.</p> <p>5. Phê duyệt đề cương, dự toán và KHLCNT: Đo vẽ bản đồ hiện trạng, trích lục thửa đất GPMB, cắm mốc ranh giới GPMB thuộc Dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 m than Vàng Danh.</p> <p>6. Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2025 - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin, như sau:</p> <p>a) Các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch PHKD năm 2025:</p> <p>b) Các chỉ tiêu hướng dẫn kế hoạch lao động, tiền lương năm 2025:</p> <p>c) Kế hoạch sửa chữa tài sản cố định năm 2025, tổng số danh mục sửa chữa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị cơ điện 60 danh mục; - Thiết bị vận tải 10 danh mục; - Thiết bị tuyển than 22 danh mục; - Công trình mặt bằng 1 danh mục. <p>7. Phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu định hướng kế hoạch 05 năm 2026-2030 - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin.</p> <p>8. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty năm 2025.</p> <p>9. Phê duyệt điều chỉnh thù lao, phụ cấp của các thành viên HĐQT, BKS năm 2024.</p> <p>10. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức năm 2024, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngày đăng ký cuối cùng: 10/6/2025. - Tỷ lệ thực hiện: 8%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>800 đồng).</p> <p>- Ngày thanh toán: 24/6/2025.</p> <p>11. Thông qua việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT Công ty.</p> <p>12. Thông qua mẫu biểu báo cáo và Kế hoạch hoạt động của Người đại diện TKV tham gia HĐQT Công ty.</p>
21	21/TVD-HDQT	16/5/2025	<p>HDQT quyết định bổ nhiệm ông Lê Thành Thường-Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mô giữ chức vụ phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin, thời gian kể từ ngày 17/5/2025.</p>
22	22/TVD-HDQT	29/5/2025	<p>1. Thống nhất thông qua chuyển bước kế hoạch đầu tư dự án đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt - Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin.</p> <p>2. Kéo dài thời gian giữ chức vụ đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu đối với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Nguyễn Văn Tiếp – Trưởng phòng KCS. - Ông Nguyễn Duy Hào – Quản đốc phân xưởng VTG2. <p>3. Thông qua Phương án bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng KT6 và phân xưởng Phục vụ.</p> <p>4. Thông qua Phương án bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng KCM.</p>
23	23/TVD-HDQT	04/6/2025	<p>1. Thông qua Phương án, kế hoạch, chương trình triển khai quy trình xem xét bổ nhiệm lại chức vụ Phó giám đốc Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đối với ông Vương Minh Thu.</p>
24	24/TVD-HDQT	04/6/2026	<p>Thông qua kết quả thực hiện quy trình và thống nhất đề nghị xem xét bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đối với ông Vương Minh Thu.</p>
25	25/TVD-HDQT	11/06/2025	<p>HDQT quyết định bổ nhiệm lại ông Vương Minh Thu giữ chức vụ phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin kể từ ngày 12/6/2025.</p>
26.	26/TVD-HDQT	11/6/2025	<p>1. Thông qua dự kiến kết quả SXKD quý 2, 06 tháng, Kế hoạch SXKD quý 3 năm 2025.</p> <p>2. HĐQT thống nhất chưa thông qua công tác cán bộ là Giám đốc điều hành mỏ. Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban chuyên môn rà soát lại toàn bộ các Giấy phép khai thác để bổ nhiệm lại cho phù hợp với tiêu chí: Giám đốc, các phó Giám đốc sẽ là 01 Giám đốc điều hành mỏ theo Giấy phép khai thác, trường hợp không đủ nhân sự mới bổ nhiệm đến Trưởng phòng.</p>

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>3. Phê duyệt đề cương, dự toán và KHLCNT: Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh.</p> <p>4. Phê duyệt đề cương, dự toán và KHLCNT: Mô hình thông tin công trình (BIM) bước lập BCNCKT dự án khai thác hầm lò xuống sâu dưới mức -175 mỏ than Vàng Danh.</p> <p>5. Thông qua phê duyệt Quy chế quản lý công tác Văn thư - Lưu trữ trong Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin.</p>
27	27/TVD-HDQT	26/06/2025	<p>1. Thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại/bổ nhiệm cán bộ để Giám đốc Công ty quyết định:</p> <p>a) Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng KT6 đối với ông Lâm Hồng Quang.</p> <p>b) Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng Phục vụ đối với ông Nguyễn Chiến Bình.</p> <p>c) Bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng KCM đối với ông Ngô Văn Cừ - Số danh bạ 14458.</p>
28	28/TVD-HDQT	22/7/2025	<p>1. Xem xét dừng triển khai dự án đầu tư xây dựng công trình khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh, phường Vàng Danh;</p>
29	29/TVD-HDQT	30/7/2025	<p>1. Thông qua Phương án bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng Tuyên Vàng Danh 2;</p> <p>2. Thông qua phương án điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ, như sau:</p> <p>a) Cho thôi giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng KT13 đối với ông Nguyễn Đức Thế và đồng ý chủ trương đề Giám đốc Công ty điều động, đào tạo cán bộ chuyên trách công đoàn.</p> <p>b) Điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng KT13 đối với ông Nguyễn Hồng - Quản đốc phân xưởng KT5.</p> <p>c) Điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Quản đốc phân xưởng KT5 đối với ông Nguyễn Như Long- Phó phòng AT.</p> <p>3. Xem xét thông qua công tác cán bộ</p> <p>a) Thôi giao Giám đốc điều hành mỏ khai thác than bằng phương pháp hầm lò tầng lò bằng từ lộ vỉa đến +115m Khu Cánh Gà Vàng Danh thuộc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đối với ông Nguyễn Văn Nguyên - Số danh bạ: 7433.</p> <p>b) Giao ông Hồ Quốc-Số danh bạ: 10241, Giám đốc</p>

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành mỏ khai thác than bằng phương pháp hầm lò tầng lò bằng từ lộ via đến +115m Khu Cảnh Gà Vàng Danh thuộc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin</p> <p>c) Thôi giao Giám đốc điều hành mỏ khai thác than bằng phương pháp hầm lò mức +105m đến +0m Khu Trung tâm Vàng Danh thuộc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin đối với ông Ngô Văn Khương - Số danh bạ: 14932.</p> <p>d) Giao ông Trần Văn Thứ - Số danh bạ: 13647, Phó giám đốc Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành mỏ khai thác than bằng phương pháp hầm lò mức +105m đến +0m Khu Trung tâm Vàng Danh thuộc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin;</p> <p>e). Giao ông Lê Thành Thường -Số danh bạ: 14438, Phó giám đốc Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành mỏ khai thác than bằng phương pháp hầm lò khu Vàng Danh từ mức ±0m đến mức -175m thuộc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin;</p> <p>f) Giao ông Vương Minh Thu – Số danh bạ: 12424, Phó giám đốc Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành mỏ khu vực lò Giếng Cảnh Gà từ mức +122m đến mức -50m thuộc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin</p> <p>4. Thống nhất đề Người đại diện phần vốn báo cáo TKV về việc thông qua chủ trương đầu tư, quy mô dự án và bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2025, dự án đầu tư xây dựng công trình khu điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin.</p>
30	30/TVD-HDQT	18/8/2025	<p>1. Thống nhất chủ trương của TKV về việc bổ nhiệm ông Vương Minh Thu – Phó giám đốc Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin giữ chức vụ Giám đốc Công ty Than Thống Nhất – TKV.</p> <p>2. Thống nhất nội dung đánh giá, nhận xét đối với ông Vương Minh Thu – Phó giám đốc Công ty trong thời gian giữ chức vụ tại Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin.</p> <p>3. HDQT ủy quyền cho Chủ tịch HDQT, Người đại diện phần vốn báo cáo TKV về việc nhận xét, đánh giá đối với ông Vương Minh Thu.</p>
31	31/TVD-HDQT	21/8/2025	<p>1. Thông qua công tác cán bộ lãnh đạo quản lý của Công ty như sau:</p> <p>- Thôi giao giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Vương Minh Thu kể từ ngày 21/8/2025.</p>
32	32/TVD-HDQT	28/8/2025	<p>1. Thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ</p>

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			nhiệm lại/bổ nhiệm cán bộ để Giám đốc Công ty quyết định: a) Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng TVD2 đối với ông Bùi Sĩ Lâm. 2. Thông qua quyết toán dự án hoàn thành và xử lý tài chính dự án dừng triển khai thực hiện và xử lý tài chính dự án dừng triển khai thực hiện, đối với dự án Đầu tư xây dựng công trình khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh.
33	33/TVD-HDQT	28/8/2025	1. Thông qua phương án và chủ trương bổ nhiệm chức vụ Phó giám đốc Công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ.
34	34/TVD-HDQT	09/09/2025	1. Thông qua dự kiến kết quả SXKD quý 3, 09 tháng, Kế hoạch SXKD quý 4. 2. Thống nhất đề Người đại diện phần vốn báo cáo TKV xem xét thông qua chủ trương thuê ngoài công đoạn xử lý than bùn bằng công nghệ sấy phục vụ tiêu thụ.
35	35/TVD-HDQT	07/10/2025	1. Thông qua Phương án triển khai quy trình xem xét bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin
36	36/TVD-HDQT	07/10/2025	1. Thông qua kết quả thực hiện quy trình và thống nhất đề nghị xem xét bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin
37	37/TVD-HDQT	09/10/2025	1. Thống nhất đề Người đại diện phần vốn báo cáo TKV các vướng mắc về năng lực tài chính để thực hiện dự án khai thác khoáng sản 2. Thống nhất đề Người đại diện phần vốn báo cáo TKV thông qua kế hoạch ĐTXD năm 2026, giai đoạn 2026 ÷ 2030 của Công ty 3. Thông qua phương án bổ nhiệm lại cán bộ - Kéo dài thời gian giữ chức vụ đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu đối với ông Bùi Sỹ Hưng - Quản đốc phân xưởng Tuyển Vàng Danh 4. Các nội dung khác. a) Đối với Tờ trình số 1469/TTr-TVD ngày 01/10/2025 của Giám đốc Công ty về phê duyệt Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026 ÷ 2030, định hướng đến 2045. Chủ tịch HDQT đã ký Quyết định số 3556/QĐ-HDQT ngày 06/10/2025 về việc thành lập tổ thẩm định của HDQT để tổ chức thẩm định, sau khi có kết quả thẩm định, HDQT sẽ họp, thống nhất phê duyệt, ban hành. b) Đối với Tờ trình số 1435/TTr-TVD ngày 16/9/2025

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			<p>của Giám đốc Công ty về việc báo cáo TKV xin chủ trương thuê ngoài công đoạn khai thác than khu I mức -50 ÷ +115 giếng Cánh gà, đề nghị Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng lập Phương án khai thác than khu I mức -50 ÷ +115 giếng Cánh gà, báo cáo TKV xem xét thống nhất thông qua.</p> <p>c) Đối với Tờ trình số 1471/TTr-TVD ngày 02/10/2025 của Giám đốc Công ty về việc thuê ngoài một số công đoạn sản xuất năm 2026. Theo nội dung Tờ trình thì một số hạng mục có khối lượng cần thuê ngoài lớn hơn kế hoạch TKV phê duyệt. HĐQT chỉ phê duyệt các nội dung công việc hoặc khối lượng thuê ngoài nhỏ hơn hoặc bằng kế hoạch của TKV. Trường hợp phát sinh tăng, Giám đốc Công ty báo cáo TKV thông qua trước khi trình HĐQT phê duyệt.</p>
38	38/TVD-HĐQT	30/10/2025	1. HĐQT Quyết định bổ nhiệm ông Đỗ Văn Tĩnh - Quản đốc phân xưởng KT7 giữ chức vụ phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin
39	39/TVD-HĐQT	30/10/2025	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua phương án thuê ngoài công đoạn sấy than bù phục vụ tiêu thụ giai đoạn 2026÷2030. 2. Phê duyệt kế hoạch thuê ngoài một số công đoạn sản xuất năm 2026 3. Thông qua xử lý tài chính dự án dừng triển khai đối với dự án: Đầu tư xây dựng công trình khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh. 4. Phê duyệt Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026÷ 2030, tầm nhìn đến năm 2045. 5. Thống nhất giao ông Đỗ Văn Tĩnh – Phó Giám đốc Công ty đồng thời là Giám đốc điều hành mỏ khu vực lò Giếng Cánh Gà từ mức +122m đến mức -50m thuộc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin. 6. Thông qua Phương án bổ nhiệm cán bộ tại phân xưởng KT7 và phòng ĐTM. 7. Phê duyệt chấm dứt hiệu lực đối với Quyết định số 199/QĐ-TVD ngày 25/02/2022 của Hội đồng quản trị Công ty.
40	40/TVD-HĐQT	31/10/2025	Thống nhất giao ông Ngô Văn Cừ - Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ mỏ đồng thời là Giám đốc điều hành mỏ khai thác than bằng phương pháp lộ thiên khu lộ vỉa 5- khu Cánh gà từ mức +330m đến mức +273m và khu lộ vỉa 5- khu Tây Vàng Danh từ mức +265 đến mức +150 thuộc Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 470/GP-BNNMT
41	41/TVD-HDQT	14/11/2025	<p>1. Quyết định bãi bỏ Quyết định số 1086/QĐ-TVD ngày 06/09/2019 của Hội đồng quản trị Công ty về Quy chế tổ chức và hoạt động thanh tra trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin, kể từ ngày 01/11/2025.</p> <p>2. Thông qua phân công nhiệm vụ các Giám đốc điều hành mỏ.</p> <p>3. Thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm cán bộ để Giám đốc Công ty quyết định: Bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng DIM đối với ông Phùng Trung Hoài - SDB 12732.</p>
42	42/TVD-HDQT	25/11/2025	<p>1. Thống nhất với đề nghị của Công ty Than Hòn Gai-TKV đề báo cáo TKV bổ nhiệm bà Trần Thị Thu Thảo – Kế toán trưởng Công ty CP than Vàng Danh-Vinacomin giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Than Hòn Gai – TKV;</p> <p>2. Thông qua phương án và chủ trương bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ.</p>
43	43/TVD-HDQT	27/11/2025	<p>1. Thông qua phương án nhân sự bổ nhiệm/bổ nhiệm lại cán bộ.</p> <p>2. Thông qua Quy chế tuyển dụng lao động trong Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin</p>
44	44/TVD-HDQT	18/12/2025	<p>1. Tạm thông qua KH SXKD năm 2026; thông qua dự kiến kết quả SXKD năm 2025; thông qua kế hoạch SXKD quý 1 năm 2026; Phê duyệt kế hoạch quản trị rủi ro năm 2026</p> <p>2. Thông qua kế hoạch thăm dò khảo sát năm 2026</p> <p>3. Phê duyệt tiếp tục thực hiện Quy chế quản lý cán bộ trong Công ty</p> <p>4. Thông qua kết quả thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại cán bộ</p> <p>5. Thông qua sửa đổi Quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ, Phòng Kỹ thuật an toàn và BHLĐ</p> <p>6. Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2025 điều chỉnh</p> <p>7. Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2026</p> <p>8. Phê duyệt Quy chế quản lý hoạt động bảo vệ môi trường trong Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin</p>
45	45/TVD-HDQT	24/12/2025	1. Xem xét bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Phùng Thế Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Thủy Dịu	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ BÀ: TRẦN THỊ VÂN ANH - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	01/06/1969
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100483675 Cấp ngày 12/06/2006; Nơi cấp: CA-QN
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Thanh Sơn, Ưông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:	
✓ 1989 - 1993	Nhân viên trường Công nhân Hữu Nghị Việt Xô
✓ 1994 - 1999	Nhân viên Kế toán Mỏ than Yên Tử, Ưông Bí, Quảng Ninh
✓ 2000 - 03/2001	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán Mỏ than Nam Mẫu
✓ 04/2001 - 09/2004	Phó phòng Kế toán tài chính Mỏ than Nam Mẫu
✓ 10/2004 - 04/2006	Phó phòng TKKTTC Xí nghiệp Than Nam Mẫu
✓ 05/2006 - 07/2006	Trưởng phòng TKKTTC Công ty TNHH MTV than Nam mẫu
✓ 08/2006 – 12/2010	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu
✓ 2011 – 03/2016	Kế toán trưởng Công ty than Nam Mẫu - TKV
✓ 04/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần

❖ ÔNG: PHÙNG THẾ ANH - UV BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	15/01/1974
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	100626577

- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Đông, Ưông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:	
✓ 10/1994-01/2005	Công nhân cơ điện Phân xưởng KT2, VT56, VTG
✓ 02/2005-24/04/2013	Nhân viên Phòng Kế hoạch
✓ 25/4/2013 đến nay	Nhân viên Phòng Kế hoạch, kiêm UV Ban KS
Số cổ phần nắm giữ	2.177 cổ phần

❖ BÀ: NGUYỄN THỊ THỦY DỊU - UV BAN KIỂM SOÁT

- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	18/04/1974
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số căn cước công dân:	022 174 003 946
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Thanh Sơn, Ưông Bí, Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế mỏ
- Quá trình công tác:	
✓ 8/1994 - 10/1994	Công nhân lao động phổ thông, Mỏ than Vàng Danh
✓ 10/1994-11/1995	Nhân viên câu lạc bộ Mỏ than Vàng Danh
✓ 11/1995 - 5/2000	Công nhân, kế toán, Ngành phục vụ - công ty than Vàng Danh
✓ 5/2000 - 11/2006	Nhân viên, P.TK-KT-TC - Công ty Than Vàng Danh - TKV
✓ Từ 11/2006 - 04/2018	Nhân viên phòng Đầu tư - Môi trường Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin
✓ Từ 21/04/2018 đến nay	Ủy viên Ban Kiểm soát, Nhân viên Phòng ĐTXD&MT Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin
Số cổ phần nắm giữ	2.489 cổ phần

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2025 Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo Quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban.

Đã tổ chức 04 cuộc họp của ban kiểm soát để:

Giám sát hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, thông qua việc thực thi các văn bản quản lý của Nhà nước, Tập đoàn, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn; việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các văn bản quản lý khác của Nhà Nước và Tập đoàn.

- Kiểm soát việc xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nội bộ để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật và công bố thông tin của Công ty theo quy định.

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý và năm; Báo cáo công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, trình HĐQT Tập đoàn, Đại hội đồng Cổ đông Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Giám sát việc phối hợp lãnh đạo Công ty thông qua Nghị quyết liên tịch giữa Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

- Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực: Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động;

- Giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc thực thi những kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và kiểm soát nội bộ...

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán, xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty (khi được mời) với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác; Trao đổi và tham gia ý kiến thẳng thắn, trung thực với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty và các Cổ đông.

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và kết quả SXKD năm 2025 của Công ty; Mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGD Công ty năm 2025 được chi trả như sau:

TT	Chức danh quản lý	Số lượng (người)	Tiền thù lao (nghìn đồng/năm)	Phụ cấp (nghìn đồng/năm)	Tiền lương (nghìn đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	9.072		612.030
2	Thành viên HĐQT	03	155.250		
3	Thành viên HĐQT độc lập	01		276.000	
4	Trưởng BKS	01			657.000
5	Thành viên BKS	02	110.400		
6	Giám đốc	01			709.660

TT	Chức danh quản lý	Số lượng (người)	Tiền thù lao (nghìn đồng/năm)	Phụ cấp (nghìn đồng/năm)	Tiền lương (nghìn đồng/năm)
7	Phó giám đốc	04			2.268.230
8	Kế toán trưởng	01			574.920
Tổng cộng			274.722	276.000	4.821.840

Hàng tháng các thành viên HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập, Ban Kiểm soát được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao kế hoạch;

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

Trong năm 2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã chấp thuận các hợp đồng, giao dịch phát sinh giữa Công ty cổ phần Vàng Danh - Vinacomin với các doanh nghiệp và người liên quan". Theo đó Công ty có các hợp đồng phát sinh là:


- Mua bán than theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, tỷ lệ giao dịch (giá trị giao dịch/ tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):

$$6.668.850.345.722 / 2.563.111.540.640 = 260,18\%$$

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Công ty đã thực hiện đúng, đủ, tuân thủ pháp luật về quản trị Công ty, tuy nhiên còn một số nội dung chưa thực hiện được, cụ thể: Một số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty chưa được tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

- Giải pháp và kế hoạch khắc phục: Bổ trí thời gian và tạo điều kiện để các thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty và Thư ký Công ty tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

VI. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (theo báo cáo tài chính kèm theo). 

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Các cổ đông (qua website Công ty);
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Lưu: VT; HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Hỗ Quốc